

CÁC HỌC PHẦN KHẢO THÍ HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2015-2016 (Đợt 2)

(Lịch thi được cập nhật ngày 15/05/2016)

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
1	4010101	01	001	3	32	5/23/2016	4	2	HNAA203	TUCHON5	Đại số	0101-26	Nguyễn Thùy	Linh	Toán	01
2	4010101	01	002	3	31	5/23/2016	4	2	HNAA204	TUCHON5	Đại số	0101-26	Nguyễn Thùy	Linh	Toán	01
3	4010101	02	001	3	28	5/23/2016	4	2	HNAA205	TUCHON6	Đại số	0101-25	Hoàng Ngự	Huấn	Toán	01
4	4010101	02	002	3	27	5/23/2016	4	2	HNAA206	TUCHON6	Đại số	0101-25	Hoàng Ngự	Huấn	Toán	01
5	4010101	03	001	3	51	6/6/2016	3	2	HNAA207	LCMOMO60	Đại số	0101-12	Nguyễn Thị Lan	Hương	Toán	01
6	4010101	04	001	3	16	6/6/2016	3	2	HNAA203	LCXDXD60	Đại số	0101-26	Nguyễn Thùy	Linh	Toán	01
7	4010102	01	001	4	30	5/23/2016	2	2	HNAA203	TUCHON6	Giải tích 1	0101-03	Tô Văn	Đinh	Toán	01
8	4010102	01	002	4	30	5/23/2016	2	2	HNAA204	TUCHON6	Giải tích 1	0101-03	Tô Văn	Đinh	Toán	01
9	4010102	02	001	4	30	5/23/2016	2	2	HNAA205	TUCHON5	Giải tích 1	0101-26	Nguyễn Thùy	Linh	Toán	01
10	4010103	01	001	3	111	5/23/2016	2	2	HNAD101	DCCDCD60A	Giải tích 2	0101-10	Đào Xuân	Hưng	Toán	01
11	4010103	01	002	3	110	5/23/2016	2	2	HNAD201	DCCDCD60A	Giải tích 2	0101-10	Đào Xuân	Hưng	Toán	01
12	4010103	02	001	3	111	5/23/2016	2	2	HNAD301	DCCDCD60B	Giải tích 2	0101-12	Nguyễn Thị Lan	Hương	Toán	01
13	4010103	02	002	3	110	5/23/2016	2	2	HNAD401	DCCDCD60B	Giải tích 2	0101-12	Nguyễn Thị Lan	Hương	Toán	01
14	4010103	07	001	3	110	5/23/2016	4	2	HNAD401	DCDKDK60A	Giải tích 2	0101-11	Nguyễn Trường	Thanh	Toán	01
15	4010103	07	002	3	110	5/23/2016	4	2	HNAD301	DCDKDK60A	Giải tích 2	0101-11	Nguyễn Trường	Thanh	Toán	01
16	4010103	08	001	3	111	5/23/2016	4	2	HNAD101	DCDKDK60B	Giải tích 2	0101-17	Phạm Tuấn	Cường	Toán	01
17	4010103	08	002	3	110	5/23/2016	4	2	HNAD201	DCDKDK60B	Giải tích 2	0101-17	Phạm Tuấn	Cường	Toán	01
18	4010103	03	001	3	101	5/23/2016	7	2	HNAD101	DCCTCT60A	Giải tích 2	0101-18	Phạm Ngọc	Anh	Toán	01
19	4010103	03	002	3	100	5/23/2016	7	2	HNAD201	DCCTCT60A	Giải tích 2	0101-18	Phạm Ngọc	Anh	Toán	01
20	4010103	04	001	3	100	5/23/2016	7	2	HNAD401	DCCTCT60B	Giải tích 2	0101-19	Nguyễn Thu	Hằng	Toán	01
21	4010103	04	002	3	100	5/23/2016	7	2	HNAD301	DCCTCT60B	Giải tích 2	0101-19	Nguyễn Thu	Hằng	Toán	01
22	4010103	05	001	3	122	5/23/2016	9	2	HNAD101	DCDCDC60A	Giải tích 2	0101-09	Nguyễn Thị	Hằng	Toán	01
23	4010103	06	001	3	90	5/23/2016	9	2	HNAD201	DCDCDC60B	Giải tích 2	0101-22	Nguyễn Thế	Lâm	Toán	01
24	4010103	11	001	3	101	5/24/2016	2	2	HNAD101	DCMTMT60	Giải tích 2	0101-20	Lê Hương	Giang	Toán	01
25	4010103	11	002	3	100	5/24/2016	2	2	HNAD201	DCMTMT60	Giải tích 2	0101-20	Lê Hương	Giang	Toán	01
26	4010103	12	001	3	80	5/24/2016	2	2	HNAD301	DCTDTD60A	Giải tích 2	0101-01	Nguyễn Minh	Mẫn	Toán	01
27	4010103	12	002	3	80	5/24/2016	2	2	HNAD401	DCTDTD60A	Giải tích 2	0101-01	Nguyễn Minh	Mẫn	Toán	01
28	4010103	14	001	3	66	5/24/2016	2	2	HNAA208	DCXDXD60A	Giải tích 2	0101-21	Nguyễn Thị Kim	Sơn	Toán	01
29	4010103	14	002	3	65	5/24/2016	2	2	HNAB310	DCXDXD60A	Giải tích 2	0101-21	Nguyễn Thị Kim	Sơn	Toán	01
30	4010103	15	001	3	41	5/24/2016	2	2	HNAA409	DCXDXD60B	Giải tích 2	0101-21	Nguyễn Thị Kim	Sơn	Toán	01
31	4010103	15	002	3	41	5/24/2016	2	2	HNAA207	DCXDXD60B	Giải tích 2	0101-21	Nguyễn Thị Kim	Sơn	Toán	01
32	4010103	18	001	3	40	5/24/2016	2	2	HNAA204	TUCHON1	Giải tích 2	0101-25	Hoàng Ngự	Huấn	Toán	01
33	4010103	18	002	3	40	5/24/2016	2	2	HNAA203	TUCHON1	Giải tích 2	0101-25	Hoàng Ngự	Huấn	Toán	01
34	4010103	19	001	3	33	5/24/2016	2	2	HNAA205	TUCHON2	Giải tích 2	0101-25	Hoàng Ngự	Huấn	Toán	01
35	4010103	19	002	3	33	5/24/2016	2	2	HNAA206	TUCHON2	Giải tích 2	0101-25	Hoàng Ngự	Huấn	Toán	01
36	4010103	09	001	3	76	5/24/2016	4	2	HNAD101	DCMOMO60A	Giải tích 2	0101-09	Nguyễn Thị	Hằng	Toán	01
37	4010103	09	002	3	74	5/24/2016	4	2	HNAD201	DCMOMO60A	Giải tích 2	0101-09	Nguyễn Thị	Hằng	Toán	01
38	4010103	13	001	3	72	5/24/2016	4	2	HNAD301	DCTDTD60B	Giải tích 2	0101-23	Nguyễn Thị	Hiền	Toán	01
39	4010103	13	002	3	72	5/24/2016	4	2	HNAD401	DCTDTD60B	Giải tích 2	0101-23	Nguyễn Thị	Hiền	Toán	01
40	4010103	10	001	3	126	5/24/2016	7	2	HNAD101	DCMOMO60B	Giải tích 2	0101-24	Lê Bích	Phượng	Toán	01

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
41	4010103	20	001	3	28	6/18/2016	3	2	HNAA203	LCXDXD60	Giải tích 2	0101-23	Nguyễn Thị	Hiền	Toán	01
42	4010104	01	001	3	110	5/25/2016	2	2	HNAD101	DCKTKT60A	Xác suất thống kê	0101-16	Hà Hữu Cao	Trình	Toán	01
43	4010104	01	002	3	110	5/25/2016	2	2	HNAD201	DCKTKT60A	Xác suất thống kê	0101-16	Hà Hữu Cao	Trình	Toán	01
44	4010104	02	001	3	110	5/25/2016	2	2	HNAD401	DCKTKT60B	Xác suất thống kê	0101-16	Hà Hữu Cao	Trình	Toán	01
45	4010104	02	002	3	110	5/25/2016	2	2	HNAD301	DCKTKT60B	Xác suất thống kê	0101-16	Hà Hữu Cao	Trình	Toán	01
46	4010104	03	001	3	30	5/25/2016	2	2	HNAA203	TUCHON1	Xác suất thống kê	0101-18	Phạm Ngọc	Anh	Toán	01
47	4010104	03	002	3	29	5/25/2016	2	2	HNAA204	TUCHON1	Xác suất thống kê	0101-18	Phạm Ngọc	Anh	Toán	01
48	4010104	04	001	3	23	5/25/2016	2	2	HNAA205	TUCHON6	Xác suất thống kê	0101-09	Nguyễn Thị	Hằng	Toán	01
49	4010105	01	001	2	101	5/25/2016	4	2	HNAD101	TUCHON2	Xác suất thống kê	0101-22	Nguyễn Thế	Lâm	Toán	01
50	4010105	01	002	2	100	5/25/2016	4	2	HNAD201	TUCHON2	Xác suất thống kê	0101-22	Nguyễn Thế	Lâm	Toán	01
51	4010105	02	001	2	101	5/25/2016	4	2	HNAD301	TUCHON2	Xác suất thống kê	0101-19	Nguyễn Thu	Hằng	Toán	01
52	4010105	02	002	2	100	5/25/2016	4	2	HNAD401	TUCHON2	Xác suất thống kê	0101-19	Nguyễn Thu	Hằng	Toán	01
53	4010105	03	001	2	101	5/25/2016	7	2	HNAD101	TUCHON2	Xác suất thống kê	0101-24	Lê Bích	Phượng	Toán	01
54	4010105	03	002	2	100	5/25/2016	7	2	HNAD201	TUCHON2	Xác suất thống kê	0101-24	Lê Bích	Phượng	Toán	01
55	4010106	03	001	2	100	5/28/2016	7	2	HNAD401	TUCHON1	Phương pháp tính	0101-10	Đào Xuân	Hưng	Toán	01
56	4010106	03	002	2	100	5/28/2016	7	2	HNAD301	TUCHON1	Phương pháp tính	0101-10	Đào Xuân	Hưng	Toán	01
57	4010106	02	001	2	98	5/31/2016	7	2	HNAD401	TUCHON1	Phương pháp tính	0101-12	Nguyễn Thị Lan	Hương	Toán	01
58	4010106	02	002	2	98	5/31/2016	7	2	HNAD301	TUCHON1	Phương pháp tính	0101-12	Nguyễn Thị Lan	Hương	Toán	01
59	4010106	01	001	2	102	6/1/2016	2	2	HNAD101	TUCHON2	Phương pháp tính	0101-12	Nguyễn Thị Lan	Hương	Toán	01
60	4010106	01	002	2	101	6/1/2016	2	2	HNAD201	TUCHON2	Phương pháp tính	0101-12	Nguyễn Thị Lan	Hương	Toán	01
61	4010106	06	001	2	51	6/9/2016	3	2	HNAA207	LCMOMO60	Phương pháp tính	0101-09	Nguyễn Thị	Hằng	Toán	01
62	4010110	01	001	2	76	6/1/2016	2	2	HNAD401	TUCHON3	Toán tối ưu	0101-20	Lê Hương	Giang	Toán	01
63	4010110	01	002	2	75	6/1/2016	2	2	HNAD301	TUCHON3	Toán tối ưu	0101-20	Lê Hương	Giang	Toán	01
64	4010110	02	001	2	74	6/2/2016	4	2	HNAD201	TUCHON4	Toán tối ưu	0101-03	Tô Văn	Đình	Toán	01
65	4010110	02	002	2	74	6/2/2016	4	2	HNAD101	TUCHON4	Toán tối ưu	0101-03	Tô Văn	Đình	Toán	01
66	4010110	03	001	2	50	6/16/2016	3	2	HNAA208	LCMOMO60	Toán tối ưu	0101-03	Tô Văn	Đình	Toán	01
67	4010201	01	001	3	111	5/27/2016	2	2	HNAD101	DCCDCD60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-01	Hồ Quỳnh	Anh	Lý	01
68	4010201	01	002	3	111	5/27/2016	2	2	HNAD201	DCCDCD60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-01	Hồ Quỳnh	Anh	Lý	01
69	4010201	02	001	3	111	5/27/2016	2	2	HNAD401	DCCDCD60B	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-01	Hồ Quỳnh	Anh	Lý	01
70	4010201	02	002	3	111	5/27/2016	2	2	HNAD301	DCCDCD60B	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-01	Hồ Quỳnh	Anh	Lý	01
71	4010201	06	001	3	69	5/27/2016	2	2	HNAA208	DCDCDC60B	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-06	Đỗ Thị Hồng	Hải	Lý	01
72	4010201	06	002	3	68	5/27/2016	2	2	HNAB310	DCDCDC60B	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-06	Đỗ Thị Hồng	Hải	Lý	01
73	4010201	07	001	3	111	5/27/2016	4	2	HNAD101	DCDKDK60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-11	Nguyễn Thị Diệu	Thu	Lý	01
74	4010201	07	002	3	110	5/27/2016	4	2	HNAD201	DCDKDK60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-11	Nguyễn Thị Diệu	Thu	Lý	01
75	4010201	08	001	3	111	5/27/2016	4	2	HNAD301	DCDKDK60B	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-11	Nguyễn Thị Diệu	Thu	Lý	01
76	4010201	08	002	3	110	5/27/2016	4	2	HNAD401	DCDKDK60B	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-11	Nguyễn Thị Diệu	Thu	Lý	01
77	4010201	03	001	3	101	5/27/2016	7	2	HNAD101	DCCTCT60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-04	Vũ Bá	Dũng	Lý	01
78	4010201	03	002	3	100	5/27/2016	7	2	HNAD201	DCCTCT60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-04	Vũ Bá	Dũng	Lý	01
79	4010201	04	001	3	99	5/27/2016	7	2	HNAD401	DCCTCT60B	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-04	Vũ Bá	Dũng	Lý	01
80	4010201	04	002	3	99	5/27/2016	7	2	HNAD301	DCCTCT60B	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-04	Vũ Bá	Dũng	Lý	01
81	4010201	05	001	3	80	5/27/2016	9	2	HNAD101	DCDCDC60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-06	Đỗ Thị Hồng	Hải	Lý	01
82	4010201	05	002	3	79	5/27/2016	9	2	HNAD201	DCDCDC60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-06	Đỗ Thị Hồng	Hải	Lý	01
83	4010201	10	001	3	41	5/28/2016	2	2	HNAA207	DCMOMO60B	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-15	Tổng Bá	Tuấn	Lý	01

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
84	4010201	10	002	3	41	5/28/2016	2	2	HNAA409	DCMOMO60B	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-15	Tổng Bá	Tuấn	Lý	01
85	4010201	11	001	3	100	5/28/2016	2	2	HNAD101	DCMTMT60	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-16	Đào Việt	Thắng	Lý	01
86	4010201	11	002	3	100	5/28/2016	2	2	HNAD201	DCMTMT60	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-16	Đào Việt	Thắng	Lý	01
87	4010201	13	001	3	40	5/28/2016	2	2	HNAA203	DCTDTD60B	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-18	Đinh Văn	Thiên	Lý	01
88	4010201	13	002	3	39	5/28/2016	2	2	HNAA204	DCTDTD60B	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-18	Đinh Văn	Thiên	Lý	01
89	4010201	14	001	3	68	5/28/2016	2	2	HNAA208	DCXDXD60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-13	Lê Đắc	Tuyên	Lý	01
90	4010201	14	002	3	67	5/28/2016	2	2	HNAB310	DCXDXD60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-13	Lê Đắc	Tuyên	Lý	01
91	4010201	18	001	3	95	5/28/2016	2	2	HNAD301	TUCHON1	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-09	Bùi Thị Thanh	Lan	Lý	01
92	4010201	18	002	3	95	5/28/2016	2	2	HNAD401	TUCHON1	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-09	Bùi Thị Thanh	Lan	Lý	01
93	4010201	09	001	3	80	5/28/2016	4	2	HNAD101	DCMOMO60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-15	Tổng Bá	Tuấn	Lý	01
94	4010201	09	002	3	79	5/28/2016	4	2	HNAD201	DCMOMO60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-15	Tổng Bá	Tuấn	Lý	01
95	4010201	12	001	3	80	5/28/2016	4	2	HNAD301	DCTDTD60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-18	Đinh Văn	Thiên	Lý	01
96	4010201	12	002	3	79	5/28/2016	4	2	HNAD401	DCTDTD60A	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-18	Đinh Văn	Thiên	Lý	01
97	4010201	15	001	3	98	5/28/2016	7	2	HNAD101	DCXDXD60B	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-13	Lê Đắc	Tuyên	Lý	01
98	4010201	19	001	3	96	5/28/2016	7	2	HNAD201	TUCHON2	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-14	Trần Thị	Hà	Lý	01
99	4010201	20	001	3	21	6/9/2016	3	2	HNAA204	LOPTHEM	Vật lý đại cương A1 + TN				Lý	01
100	4010201	21	001	3	17	6/9/2016	3	2	HNAA205	TUCHON5	Vật lý đại cương A1 + TN	0102-10	Dư Thị Xuân	Thảo	Lý	01
101	4010202	01	001	3	31	5/28/2016	2	2	HNAA205	TUCHON6	Vật lý đại cương A2 + TN	0102-10	Dư Thị Xuân	Thảo	Lý	01
102	4010202	01	002	3	30	5/28/2016	2	2	HNAA206	TUCHON6	Vật lý đại cương A2 + TN	0102-10	Dư Thị Xuân	Thảo	Lý	01
103	4010202	02	001	3	23	6/9/2016	3	2	HNAA203	LCXDXD60	Vật lý đại cương A2 + TN	0102-10	Dư Thị Xuân	Thảo	Lý	01
104	4010301	03	001	3	111	5/30/2016	2	2	HNAD101	DCDKDK60A	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-03	Công Tiến	Dũng	Hoá	01
105	4010301	03	002	3	110	5/30/2016	2	2	HNAD201	DCDKDK60A	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-03	Công Tiến	Dũng	Hoá	01
106	4010301	04	001	3	111	5/30/2016	2	2	HNAD301	DCDKDK60B	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-26	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Hoá	01
107	4010301	04	002	3	110	5/30/2016	2	2	HNAD401	DCDKDK60B	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-26	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Hoá	01
108	4010301	16	001	3	40	5/30/2016	2	2	HNAA207	TUCHON1	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-10	Đỗ Thị	Hải	Hoá	01
109	4010301	14	001	3	101	5/30/2016	4	2	HNAD101	TUCHON1	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-18	Lê Thị Phương	Thảo	Hoá	01
110	4010301	14	002	3	100	5/30/2016	4	2	HNAD201	TUCHON1	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-18	Lê Thị Phương	Thảo	Hoá	01
111	4010301	15	001	3	100	5/30/2016	4	2	HNAD301	TUCHON2	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-20	Vũ Duy	Thịnh	Hoá	01
112	4010301	15	002	3	99	5/30/2016	4	2	HNAD401	TUCHON2	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-20	Vũ Duy	Thịnh	Hoá	01
113	4010301	01	001	3	80	5/30/2016	7	2	HNAD101	DCDCDC60A	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-10	Đỗ Thị	Hải	Hoá	01
114	4010301	01	002	3	78	5/30/2016	7	2	HNAD201	DCDCDC60A	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-10	Đỗ Thị	Hải	Hoá	01
115	4010301	02	001	3	106	5/30/2016	7	2	HNAD301	DCDCDC60B	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-07	Nguyễn Đình	Độ	Hoá	01
116	4010301	06	001	3	81	5/31/2016	2	2	HNAD301	DCMOMO60B	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-13	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Hoá	01
117	4010301	06	002	3	80	5/31/2016	2	2	HNAD401	DCMOMO60B	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-13	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Hoá	01
118	4010301	07	001	3	100	5/31/2016	2	2	HNAD101	DCMTMT60	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-08	Nguyễn Mạnh	Hà	Hoá	01
119	4010301	07	002	3	100	5/31/2016	2	2	HNAD201	DCMTMT60	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-08	Nguyễn Mạnh	Hà	Hoá	01
120	4010301	08	001	3	39	5/31/2016	2	2	HNAA203	DCTDTD60A	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-07	Nguyễn Đình	Độ	Hoá	01
121	4010301	08	002	3	38	5/31/2016	2	2	HNAA204	DCTDTD60A	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-07	Nguyễn Đình	Độ	Hoá	01
122	4010301	05	001	3	75	5/31/2016	4	2	HNAD401	DCMOMO60A	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-12	Hà Mạnh	Hùng	Hoá	01
123	4010301	05	002	3	75	5/31/2016	4	2	HNAD301	DCMOMO60A	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-12	Hà Mạnh	Hùng	Hoá	01
124	4010301	10	001	3	80	5/31/2016	4	2	HNAD101	DCXDXD60A	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-25	Nguyễn Viết	Hùng	Hoá	01
125	4010301	10	002	3	80	5/31/2016	4	2	HNAD201	DCXDXD60A	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-25	Nguyễn Viết	Hùng	Hoá	01
126	4010301	09	001	3	106	5/31/2016	7	2	HNAD101	DCTDTD60B	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-06	Lê Thị	Duyên	Hoá	01

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
127	4010301	11	001	3	93	5/31/2016	7	2	HNAD201	DCXDXD60B	Hóa học đại cương phần 1 + TN	0103-25	Nguyễn Viết	Hùng	Hoá	01
128	4010303	01	001	3	27	5/30/2016	2	2	HNAA205	TUCHON5	Hoá vô cơ phần 1 + TN	0103-21	Lê Thị	Vinh	Hoá	01
129	4010303	01	002	3	27	5/30/2016	2	2	HNAA206	TUCHON5	Hoá vô cơ phần 1 + TN	0103-21	Lê Thị	Vinh	Hoá	01
130	4010304	01	001	2	28	5/30/2016	2	2	HNAA203	DCMOTL59	Hoá vô cơ phần 2	0103-18	Lê Thị Phương	Thảo	Hoá	01
131	4010304	01	002	2	27	5/30/2016	2	2	HNAA204	DCMOTL59	Hoá vô cơ phần 2	0103-18	Lê Thị Phương	Thảo	Hoá	01
132	4010305	02	001	3	30	5/26/2016	2	2	HNAB202	DCDKLD59B	Hóa phân tích phần 1+ TN	0103-06	Lê Thị	Duyên	Hoá	01
133	4010305	02	002	3	30	5/26/2016	2	2	HNAB201	DCDKLD59B	Hóa phân tích phần 1+ TN	0103-06	Lê Thị	Duyên	Hoá	01
134	4010305	04	001	3	31	6/1/2016	2	2	HNAA307	TUCHON5	Hóa phân tích phần 1+ TN	0103-09	Nguyễn Thu	Hà	Hoá	01
135	4010305	04	002	3	30	6/1/2016	2	2	HNAA308	TUCHON5	Hóa phân tích phần 1+ TN	0103-09	Nguyễn Thu	Hà	Hoá	01
136	4010305	01	001	3	30	6/2/2016	2	2	HNAA307	DCDKLD59A	Hóa phân tích phần 1+ TN	0103-21	Lê Thị	Vinh	Hoá	01
137	4010305	01	002	3	29	6/2/2016	2	2	HNAA308	DCDKLD59A	Hóa phân tích phần 1+ TN	0103-21	Lê Thị	Vinh	Hoá	01
138	4010305	05	001	3	30	6/3/2016	2	2	HNAA409	TUCHON6	Hóa phân tích phần 1+ TN	0103-09	Nguyễn Thu	Hà	Hoá	01
139	4010305	05	002	3	30	6/3/2016	2	2	HNAA408	TUCHON6	Hóa phân tích phần 1+ TN	0103-09	Nguyễn Thu	Hà	Hoá	01
140	4010307	02	001	3	31	5/17/2016	2	2	HNAA303	DCDKKK59B	Cân bằng pha và hóa keo + TN	0103-05	Phạm Tiến	Dũng	Hoá	01
141	4010307	02	002	3	30	5/17/2016	2	2	HNAA304	DCDKKK59B	Cân bằng pha và hóa keo + TN	0103-05	Phạm Tiến	Dũng	Hoá	01
142	4010307	01	001	3	36	5/23/2016	2	2	HNAA208	DCDKKK59A	Cân bằng pha và hóa keo + TN	0103-05	Phạm Tiến	Dũng	Hoá	01
143	4010307	01	002	3	35	5/23/2016	2	2	HNAA303	DCDKKK59A	Cân bằng pha và hóa keo + TN	0103-05	Phạm Tiến	Dũng	Hoá	01
144	4010307	06	001	3	35	5/24/2016	2	2	HNAA307	LCD CDC60	Cân bằng pha và hóa keo + TN	0103-05	Phạm Tiến	Dũng	Hoá	01
145	4010307	06	002	3	34	5/24/2016	2	2	HNAA308	LCD CDC60	Cân bằng pha và hóa keo + TN	0103-05	Phạm Tiến	Dũng	Hoá	01
146	4010307	04	001	3	30	6/1/2016	2	2	HNAA402	TUCHON5	Cân bằng pha và hóa keo + TN	0103-14	Lê Đức	Liêm	Hoá	01
147	4010307	04	002	3	30	6/1/2016	2	2	HNAA403	TUCHON5	Cân bằng pha và hóa keo + TN	0103-14	Lê Đức	Liêm	Hoá	01
148	4010307	05	001	3	75	6/2/2016	2	2	HNAD301	TUCHON4	Cân bằng pha và hóa keo + TN	0103-05	Phạm Tiến	Dũng	Hoá	01
149	4010307	05	002	3	74	6/2/2016	2	2	HNAD401	TUCHON4	Cân bằng pha và hóa keo + TN	0103-05	Phạm Tiến	Dũng	Hoá	01
150	4010401	01	001	2	22	5/29/2016	4	2	HNAD401	TUCHON5	Hình học họa hình	0104-06	Hoàng Văn	Tài	Hình hoạ	01
151	4010401	02	001	2	14	5/29/2016	4	2	HNAD401	LOPTHEM	Hình học họa hình				Hình hoạ	01
152	4010402	08	001	2	51	5/29/2016	2	2	HNAD101	DCMOKT59C	Vẽ kỹ thuật	0104-07	Phan Thị Mai	Anh	Hình hoạ	01
153	4010402	09	001	2	43	5/29/2016	2	2	HNAD101	DCMOKT59D	Vẽ kỹ thuật	0104-07	Phan Thị Mai	Anh	Hình hoạ	01
154	4010402	10	001	2	31	5/29/2016	2	2	HNAD101	DCMOKT59G	Vẽ kỹ thuật	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình hoạ	01
155	4010402	10	002	2	30	5/29/2016	2	2	HNAD201	DCMOKT59G	Vẽ kỹ thuật	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình hoạ	01
156	4010402	12	001	2	33	5/29/2016	2	2	HNAD201	DCMOKT59A	Vẽ kỹ thuật	0104-05	Vũ Hữu	Tuyên	Hình hoạ	01
157	4010402	13	001	2	37	5/29/2016	2	2	HNAD201	DCMOKT59B	Vẽ kỹ thuật	0104-05	Vũ Hữu	Tuyên	Hình hoạ	01
158	4010402	14	001	2	29	5/29/2016	2	2	HNAD301	DCXDDC59A	Vẽ kỹ thuật	0104-06	Hoàng Văn	Tài	Hình hoạ	01
159	4010402	14	002	2	28	5/29/2016	2	2	HNAD301	DCXDDC59A	Vẽ kỹ thuật	0104-06	Hoàng Văn	Tài	Hình hoạ	01
160	4010402	15	001	2	28	5/29/2016	2	2	HNAD301	DCXDDC59B	Vẽ kỹ thuật	0104-06	Hoàng Văn	Tài	Hình hoạ	01
161	4010402	15	002	2	27	5/29/2016	2	2	HNAD301	DCXDDC59B	Vẽ kỹ thuật	0104-06	Hoàng Văn	Tài	Hình hoạ	01
162	4010402	16	001	2	30	5/29/2016	2	2	HNAD401	DCXDHT59	Vẽ kỹ thuật	0104-04	Lê Thị Thanh	Hằng	Hình hoạ	01
163	4010402	16	002	2	30	5/29/2016	2	2	HNAD401	DCXDHT59	Vẽ kỹ thuật	0104-04	Lê Thị Thanh	Hằng	Hình hoạ	01
164	4010402	17	001	2	18	5/29/2016	2	2	HNAD401	TUCHON6	Vẽ kỹ thuật	0104-08	Đỗ Việt	Anh	Hình hoạ	01
165	4010403	01	001	2	37	5/29/2016	7	1	HNAD302	TUCHON5	Autocad + TH	0104-04	Lê Thị Thanh	Hằng	Hình hoạ	01
166	4010403	01	002	2	35	5/29/2016	7	1	HNAD303	TUCHON5	Autocad + TH	0104-04	Lê Thị Thanh	Hằng	Hình hoạ	01
167	4010403	02	001	2	39	5/29/2016	7	1	HNAD202	TUCHON6	Autocad + TH	0104-04	Lê Thị Thanh	Hằng	Hình hoạ	01
168	4010403	02	002	2	38	5/29/2016	7	1	HNAD203	TUCHON6	Autocad + TH	0104-04	Lê Thị Thanh	Hằng	Hình hoạ	01
169	4010403	03	001	2	35	5/29/2016	8	1	HNAD302	TUCHON5	Autocad + TH	0104-08	Đỗ Việt	Anh	Hình hoạ	01

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
170	4010403	03	002	2	35	5/29/2016	8	1	HNAD303	TUCHON5	Autocad + TH	0104-08	Đỗ Việt	Anh	Hình hoạ	01
171	4010403	04	001	2	36	5/29/2016	8	1	HNAD202	TUCHON5	Autocad + TH	0104-08	Đỗ Việt	Anh	Hình hoạ	01
172	4010403	04	002	2	35	5/29/2016	8	1	HNAD203	TUCHON5	Autocad + TH	0104-08	Đỗ Việt	Anh	Hình hoạ	01
173	4010403	05	001	2	35	5/29/2016	9	1	HNAD302	TUCHON5	Autocad + TH	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình hoạ	01
174	4010403	05	002	2	34	5/29/2016	9	1	HNAD303	TUCHON5	Autocad + TH	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình hoạ	01
175	4010403	06	001	2	35	5/29/2016	9	1	HNAD202	TUCHON6	Autocad + TH	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình hoạ	01
176	4010403	06	002	2	35	5/29/2016	9	1	HNAD203	TUCHON6	Autocad + TH	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình hoạ	01
177	4010403	07	001	2	35	5/29/2016	10	1	HNAD302	TUCHON6	Autocad + TH	0104-07	Phan Thị Mai	Anh	Hình hoạ	01
178	4010403	07	002	2	34	5/29/2016	10	1	HNAD303	TUCHON6	Autocad + TH	0104-07	Phan Thị Mai	Anh	Hình hoạ	01
179	4010403	08	001	2	33	5/29/2016	10	1	HNAD202	TUCHON6	Autocad + TH	0104-07	Phan Thị Mai	Anh	Hình hoạ	01
180	4010403	08	002	2	32	5/29/2016	10	1	HNAD203	TUCHON6	Autocad + TH	0104-07	Phan Thị Mai	Anh	Hình hoạ	01
181	4010406	01	001	3	30	5/29/2016	4	2	HNAD101	DCDCDC_59A	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-01	Trần Hồng	Hải	Hình hoạ	01
182	4010406	01	002	3	29	5/29/2016	4	2	HNAD101	DCDCDC_59A	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-01	Trần Hồng	Hải	Hình hoạ	01
183	4010406	02	001	3	31	5/29/2016	4	2	HNAD101	DCDCDC_59B	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-01	Trần Hồng	Hải	Hình hoạ	01
184	4010406	02	002	3	30	5/29/2016	4	2	HNAD101	DCDCDC_59B	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-01	Trần Hồng	Hải	Hình hoạ	01
185	4010406	03	001	3	30	5/29/2016	4	2	HNAD201	DCDCNK59	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình hoạ	01
186	4010406	03	002	3	29	5/29/2016	4	2	HNAD201	DCDCNK59	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình hoạ	01
187	4010406	04	001	3	39	5/29/2016	4	2	HNAD201	DCDCTV59A	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình hoạ	01
188	4010406	05	001	3	28	5/29/2016	4	2	HNAD201	DCDCTV59B	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình hoạ	01
189	4010406	05	002	3	27	5/29/2016	4	2	HNAD301	DCDCTV59B	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình hoạ	01
190	4010406	06	001	3	30	5/29/2016	4	2	HNAD301	DCDKLD59A	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình hoạ	01
191	4010406	06	002	3	29	5/29/2016	4	2	HNAD301	DCDKLD59A	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-02	Thạc Thu	Hiền	Hình hoạ	01
192	4010406	07	001	3	31	5/29/2016	4	2	HNAD301	DCDKLD59B	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-06	Hoàng Văn	Tài	Hình hoạ	01
193	4010406	07	002	3	30	5/29/2016	4	2	HNAD401	DCDKLD59B	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-06	Hoàng Văn	Tài	Hình hoạ	01
194	4010406	09	001	3	45	5/29/2016	4	2	HNAD401	TUCHON6	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	0104-07	Phan Thị Mai	Anh	Hình hoạ	01
195	4010501	02	001	3	30	5/17/2016	4	2	HNAA208	DCDCTV59B	Cơ học lý thuyết 1	0105-03	Trần Thị	Trâm	Cơ lý thuyết	01
196	4010501	02	002	3	30	5/17/2016	4	2	HNAA207	DCDCTV59B	Cơ học lý thuyết 1	0105-03	Trần Thị	Trâm	Cơ lý thuyết	01
197	4010501	01	001	3	33	5/24/2016	2	2	HNAA404	DCDCTV59A	Cơ học lý thuyết 1	0105-03	Trần Thị	Trâm	Cơ lý thuyết	01
198	4010501	01	002	3	32	5/24/2016	2	2	HNAA405	DCDCTV59A	Cơ học lý thuyết 1	0105-03	Trần Thị	Trâm	Cơ lý thuyết	01
199	4010501	03	001	3	15	6/7/2016	3	2	HNAA206	LCDCDC60	Cơ học lý thuyết 1	0105-01	Trần Đình	Son	Cơ lý thuyết	01
200	4010601	01	001	3	41	5/29/2016	7	2	HNAD402	TUCHON5	Tiếng Anh NEF1	0106-07	Nguyễn Mộng	Lân	Ngoại ngữ	01
201	4010601	02	001	3	40	5/29/2016	7	2	HNAD403	TUCHON5	Tiếng Anh NEF1	0106-17	Nguyễn Thị Nguyệt	ánh	Ngoại ngữ	01
202	4010601	03	001	3	41	5/29/2016	7	2	HNAD502	TUCHON5	Tiếng Anh NEF1	0106-08	Cao Xuân	Hiền	Ngoại ngữ	01
203	4010601	04	001	3	40	5/29/2016	7	2	HNAD503	TUCHON5	Tiếng Anh NEF1	0106-08	Cao Xuân	Hiền	Ngoại ngữ	01
204	4010601	05	001	3	40	5/29/2016	7	2	HNAD101	TUCHON5	Tiếng Anh NEF1	0106-11	Nguyễn Thị Thu	Phúc	Ngoại ngữ	01
205	4010601	06	001	3	41	5/29/2016	7	2	HNAD101	TUCHON5	Tiếng Anh NEF1	0106-23	Đặng Thanh	Mai	Ngoại ngữ	01
206	4010601	07	001	3	40	5/29/2016	7	2	HNAD101	TUCHON5	Tiếng Anh NEF1	0106-10	Trần Thị Bích	Hồng	Ngoại ngữ	01
207	4010601	08	001	3	40	5/29/2016	7	2	HNAD201	TUCHON5	Tiếng Anh NEF1	0106-10	Trần Thị Bích	Hồng	Ngoại ngữ	01
208	4010601	09	001	3	37	5/29/2016	7	2	HNAD201	TUCHON6	Tiếng Anh NEF1	0106-04	Nguyễn Thị Mộng	Lương	Ngoại ngữ	01
209	4010601	10	001	3	39	5/29/2016	7	2	HNAD201	TUCHON6	Tiếng Anh NEF1	0106-13	Nguyễn Hồng	Vân	Ngoại ngữ	01
210	4010601	11	001	3	41	5/29/2016	7	2	HNAD301	TUCHON6	Tiếng Anh NEF1	0106-17	Nguyễn Thị Nguyệt	ánh	Ngoại ngữ	01
211	4010601	12	001	3	41	5/29/2016	7	2	HNAD301	TUCHON6	Tiếng Anh NEF1	0106-20	Trịnh Thị	Vân	Ngoại ngữ	01

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
212	4010601	13	001	3	40	5/29/2016	7	2	HNAD301	TUCHON6	Tiếng Anh NEF1	0106-21	Nguyễn Thị	Cúc	Ngoại ngữ	01
213	4010601	14	001	3	40	5/29/2016	7	2	HNAD401	TUCHON6	Tiếng Anh NEF1	0106-21	Nguyễn Thị	Cúc	Ngoại ngữ	01
214	4010601	15	001	3	40	5/29/2016	7	2	HNAD401	TUCHON6	Tiếng Anh NEF1	0106-08	Cao Xuân	Hiền	Ngoại ngữ	01
215	4010601	16	001	3	39	5/29/2016	7	2	HNAD401	TUCHON6	Tiếng Anh NEF1	0106-09	Trần Đình	Thước	Ngoại ngữ	01
216	4010602	01	001	3	40	5/29/2016	9	2	HNAD101	TUCHON6	Tiếng Anh NEF2	0106-19	Nguyễn ánh	Hoa	Ngoại ngữ	01
217	4010602	02	001	3	42	5/29/2016	9	2	HNAD101	TUCHON6	Tiếng Anh NEF2	0106-19	Nguyễn ánh	Hoa	Ngoại ngữ	01
218	4010602	03	001	3	40	5/29/2016	9	2	HNAD101	TUCHON6	Tiếng Anh NEF2	0106-22	Vũ Thị Thanh	Tâm	Ngoại ngữ	01
219	4010602	04	001	3	37	5/29/2016	9	2	HNAD201	TUCHON6	Tiếng Anh NEF2	0106-22	Vũ Thị Thanh	Tâm	Ngoại ngữ	01
220	4010602	05	001	3	40	5/29/2016	9	2	HNAD201	TUCHON6	Tiếng Anh NEF2	0106-20	Trịnh Thị	Vân	Ngoại ngữ	01
221	4010602	06	001	3	39	5/29/2016	9	2	HNAD201	TUCHON6	Tiếng Anh NEF2	0106-20	Trịnh Thị	Vân	Ngoại ngữ	01
222	4010602	07	001	3	40	5/29/2016	9	2	HNAD301	TUCHON6	Tiếng Anh NEF2	0106-09	Trần Đình	Thước	Ngoại ngữ	01
223	4010602	08	001	3	35	5/29/2016	9	2	HNAD301	TUCHON6	Tiếng Anh NEF2	0106-09	Trần Đình	Thước	Ngoại ngữ	01
224	4010602	09	001	3	37	5/29/2016	9	2	HNAD301	TUCHON5	Tiếng Anh NEF2	0106-15	Trương Thị Thanh	Thủy	Ngoại ngữ	01
225	4010602	12	001	3	18	5/29/2016	9	2	HNAD401	TUCHON5	Tiếng Anh NEF2	0106-16	Nguyễn Thị	Thảo	Ngoại ngữ	01
226	4010602	13	001	3	40	5/29/2016	9	2	HNAD401	TUCHON5	Tiếng Anh NEF2	0106-12	Lê Thị Thúy	Hà	Ngoại ngữ	01
227	4010602	14	001	3	14	5/29/2016	9	2	HNAD401	LOPTHEM	Tiếng Anh NEF2				Ngoại ngữ	01
228	4010603	01	001	2	40	5/29/2016	3	2	HNAD402	TUCHON5	Tiếng Anh 3 (CHU'A KHẢO THÍ)	0106-04	Nguyễn Thị Mộng	Lương	Ngoại ngữ	01
229	4010603	02	001	2	40	5/29/2016	3	2	HNAD403	TUCHON6	Tiếng Anh 3 (CHU'A KHẢO THÍ)	0106-04	Nguyễn Thị Mộng	Lương	Ngoại ngữ	01
230	4010603	03	001	2	35	5/29/2016	3	2	HNAD502	TUCHON5	Tiếng Anh 3 (CHU'A KHẢO THÍ)	0106-18	Nguyễn Mai	Hương	Ngoại ngữ	01
231	4010603	04	001	2	37	5/29/2016	3	2	HNAD503	TUCHON5	Tiếng Anh 3 (CHU'A KHẢO THÍ)	0106-18	Nguyễn Mai	Hương	Ngoại ngữ	01
232	4010603	05	001	2	40	5/29/2016	3	2	HNAD202	TUCHON6	Tiếng Anh 3 (CHU'A KHẢO THÍ)	0106-13	Nguyễn Hồng	Vân	Ngoại ngữ	01
233	4010603	06	001	2	38	5/29/2016	3	2	HNAD203	TUCHON6	Tiếng Anh 3 (CHU'A KHẢO THÍ)	0106-13	Nguyễn Hồng	Vân	Ngoại ngữ	01
234	4010604	01	001	2	38	5/29/2016	3	2	HNAD302	TUCHON5	Tiếng Anh 4 (CHU'A KHẢO THÍ)	0106-23	Đặng Thanh	Mai	Ngoại ngữ	01
235	4010604	02	001	2	24	5/29/2016	3	2	HNAD303	TUCHON6	Tiếng Anh 4 (CHU'A KHẢO THÍ)	0106-23	Đặng Thanh	Mai	Ngoại ngữ	01
236	4000002	01	001	2	74	5/24/2016	7	2	HNAD301	TUCHON3	Tâm lý học đại cương	0201-13	Ngô Văn	Hường	Mời giảng	02
237	4000002	01	002	2	74	5/24/2016	7	2	HNAD201	TUCHON3	Tâm lý học đại cương	0201-13	Ngô Văn	Hường	Mời giảng	02
238	4000002	02	001	2	75	5/27/2016	9	2	HNAD401	TUCHON4	Tâm lý học đại cương	0201-13	Ngô Văn	Hường	Mời giảng	02
239	4000002	02	002	2	75	5/27/2016	9	2	HNAD301	TUCHON4	Tâm lý học đại cương	0201-13	Ngô Văn	Hường	Mời giảng	02
240	4000004	01	001	2	75	5/26/2016	2	2	HNAD301	TUCHON4	Cơ sở văn hoá Việt Nam	0201-10	Nguyễn Thi	Phương	Nguyên lý Chủ ngh	02
241	4000004	01	002	2	75	5/26/2016	2	2	HNAD401	TUCHON4	Cơ sở văn hoá Việt Nam	0201-10	Nguyễn Thi	Phương	Nguyên lý Chủ ngh	02
242	4000004	04	001	2	26	5/30/2016	4	2	HNAB202	LCKTKT60	Cơ sở văn hoá Việt Nam	0201-10	Nguyễn Thi	Phương	Nguyên lý Chủ ngh	02
243	4000004	02	001	2	30	5/31/2016	2	2	HNAA404	LCKTKT60	Cơ sở văn hoá Việt Nam	0201-10	Nguyễn Thi	Phương	Nguyên lý Chủ ngh	02
244	4000004	02	002	2	30	5/31/2016	2	2	HNAA405	LCKTKT60	Cơ sở văn hoá Việt Nam	0201-10	Nguyễn Thi	Phương	Nguyên lý Chủ ngh	02
245	4000004	03	001	2	40	6/1/2016	4	2	HNAA402	TUCHON3	Cơ sở văn hoá Việt Nam	0201-10	Nguyễn Thi	Phương	Nguyên lý Chủ ngh	02
246	4020101	01	001	2	31	6/3/2016	7	2	HNAA203	TUCHON5	NLCB của CN Mác-Lênin 1	0201-12	Bùi Thị Thủy	Dương	Nguyên lý Chủ ngh	02
247	4020101	01	002	2	30	6/3/2016	7	2	HNAA204	TUCHON5	NLCB của CN Mác-Lênin 1	0201-12	Bùi Thị Thủy	Dương	Nguyên lý Chủ ngh	02
248	4020101	02	001	2	28	6/3/2016	7	2	HNAA206	TUCHON6	NLCB của CN Mác-Lênin 1	0201-12	Bùi Thị Thủy	Dương	Nguyên lý Chủ ngh	02
249	4020101	02	002	2	28	6/3/2016	7	2	HNAA205	TUCHON6	NLCB của CN Mác-Lênin 1	0201-12	Bùi Thị Thủy	Dương	Nguyên lý Chủ ngh	02
250	4020101	03	001	2	14	6/6/2016	3	2	HNAA206	LOPTHEM	NLCB của CN Mác-Lênin 1				Nguyên lý Chủ ngh	02
251	4020102	01	001	3	112	6/3/2016	2	2	HNAD101	DCCDCD60A	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-08	Phí Mạnh	Phong	Nguyên lý Chủ ngh	02
252	4020102	01	002	3	111	6/3/2016	2	2	HNAD201	DCCDCD60A	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-08	Phí Mạnh	Phong	Nguyên lý Chủ ngh	02
253	4020102	06	001	3	40	6/3/2016	2	2	HNAA203	DCDCDC60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-12	Bùi Thị Thủy	Dương	Nguyên lý Chủ ngh	02
254	4020102	06	002	3	39	6/3/2016	2	2	HNAA204	DCDCDC60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-12	Bùi Thị Thủy	Dương	Nguyên lý Chủ ngh	02

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
255	4020102	08	001	3	112	6/3/2016	2	2	HNAD301	DCDKDK60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-05	Nguyễn Thị	Thu	Nguyên lý Chủ ngh	02
256	4020102	08	002	3	111	6/3/2016	2	2	HNAD401	DCDKDK60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-05	Nguyễn Thị	Thu	Nguyên lý Chủ ngh	02
257	4020102	02	001	3	110	6/3/2016	4	2	HNAD101	DCCDCD60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-05	Nguyễn Thị	Thu	Nguyên lý Chủ ngh	02
258	4020102	02	002	3	110	6/3/2016	4	2	HNAD201	DCCDCD60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-05	Nguyễn Thị	Thu	Nguyên lý Chủ ngh	02
259	4020102	07	001	3	110	6/3/2016	4	2	HNAD401	DCDKDK60A	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-04	Vũ Đình	Thuyền	Nguyên lý Chủ ngh	02
260	4020102	07	002	3	110	6/3/2016	4	2	HNAD301	DCDKDK60A	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-04	Vũ Đình	Thuyền	Nguyên lý Chủ ngh	02
261	4020102	03	001	3	102	6/3/2016	7	2	HNAD101	DCCTCT60A	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-13	Ngô Văn	Hưởng	Nguyên lý Chủ ngh	02
262	4020102	03	002	3	100	6/3/2016	7	2	HNAD201	DCCTCT60A	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-13	Ngô Văn	Hưởng	Nguyên lý Chủ ngh	02
263	4020102	04	001	3	100	6/3/2016	7	2	HNAD301	DCCTCT60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-08	Phí Mạnh	Phong	Nguyên lý Chủ ngh	02
264	4020102	04	002	3	99	6/3/2016	7	2	HNAD401	DCCTCT60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-08	Phí Mạnh	Phong	Nguyên lý Chủ ngh	02
265	4020102	05	001	3	80	6/3/2016	9	2	HNAD201	DCDCDC60A	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-05	Nguyễn Thị	Thu	Nguyên lý Chủ ngh	02
266	4020102	05	002	3	80	6/3/2016	9	2	HNAD101	DCDCDC60A	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-05	Nguyễn Thị	Thu	Nguyên lý Chủ ngh	02
267	4020102	11	001	3	100	6/4/2016	2	2	HNAD301	DCMTMT60	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-05	Nguyễn Thị	Thu	Nguyên lý Chủ ngh	02
268	4020102	11	002	3	100	6/4/2016	2	2	HNAD401	DCMTMT60	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-05	Nguyễn Thị	Thu	Nguyên lý Chủ ngh	02
269	4020102	12	001	3	67	6/4/2016	2	2	HNAA208	DCTDTD60A	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-13	Ngô Văn	Hưởng	Nguyên lý Chủ ngh	02
270	4020102	12	002	3	66	6/4/2016	2	2	HNAB310	DCTDTD60A	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-13	Ngô Văn	Hưởng	Nguyên lý Chủ ngh	02
271	4020102	13	001	3	35	6/4/2016	2	2	HNAA205	DCTDTD60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-04	Vũ Đình	Thuyền	Nguyên lý Chủ ngh	02
272	4020102	13	002	3	34	6/4/2016	2	2	HNAA206	DCTDTD60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-04	Vũ Đình	Thuyền	Nguyên lý Chủ ngh	02
273	4020102	15	001	3	38	6/4/2016	2	2	HNAA204	DCXDXD60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-09	Trần Thị Lan	Hương	Nguyên lý Chủ ngh	02
274	4020102	15	002	3	38	6/4/2016	2	2	HNAA203	DCXDXD60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-09	Trần Thị Lan	Hương	Nguyên lý Chủ ngh	02
275	4020102	19	001	3	101	6/4/2016	2	2	HNAD201	TUCHON2	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-06	Nguyễn Thị	Nụ	Nguyên lý Chủ ngh	02
276	4020102	19	002	3	101	6/4/2016	2	2	HNAD101	TUCHON2	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-06	Nguyễn Thị	Nụ	Nguyên lý Chủ ngh	02
277	4020102	09	001	3	71	6/4/2016	4	2	HNAD401	DCMOMO60A	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-08	Phí Mạnh	Phong	Nguyên lý Chủ ngh	02
278	4020102	09	002	3	71	6/4/2016	4	2	HNAD301	DCMOMO60A	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-08	Phí Mạnh	Phong	Nguyên lý Chủ ngh	02
279	4020102	10	001	3	80	6/4/2016	4	2	HNAD201	DCMOMO60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-05	Nguyễn Thị	Thu	Nguyên lý Chủ ngh	02
280	4020102	10	002	3	79	6/4/2016	4	2	HNAD101	DCMOMO60B	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-05	Nguyễn Thị	Thu	Nguyên lý Chủ ngh	02
281	4020102	14	001	3	125	6/4/2016	7	2	HNAD201	DCXDXD60A	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-03	Phan Ngọc	Danh	Nguyên lý Chủ ngh	02
282	4020102	18	001	3	130	6/4/2016	7	2	HNAD101	TUCHON1	NLCB của CN Mác-Lênin 2	0201-03	Phan Ngọc	Danh	Nguyên lý Chủ ngh	02
283	4020103	07	001	2	81	5/16/2016	2	2	HNAD101	DCMOMO60A	Pháp luật đại cương	0201-01	Nguyễn Bình	Yên	Pháp luật	02
284	4020103	07	002	2	79	5/16/2016	2	2	HNAD201	DCMOMO60A	Pháp luật đại cương	0201-01	Nguyễn Bình	Yên	Pháp luật	02
285	4020103	08	001	2	81	5/17/2016	2	2	HNAD301	DCMOMO60B	Pháp luật đại cương	0201-06	Nguyễn Thị	Nụ	Pháp luật	02
286	4020103	08	002	2	81	5/17/2016	2	2	HNAD401	DCMOMO60B	Pháp luật đại cương	0201-06	Nguyễn Thị	Nụ	Pháp luật	02
287	4020103	06	001	2	111	5/20/2016	2	2	HNAD101	DCKTKT60B	Pháp luật đại cương	0201-06	Nguyễn Thị	Nụ	Pháp luật	02
288	4020103	06	002	2	110	5/20/2016	2	2	HNAD201	DCKTKT60B	Pháp luật đại cương	0201-06	Nguyễn Thị	Nụ	Pháp luật	02
289	4020103	13	001	2	100	5/20/2016	2	2	HNAD301	TUCHON1	Pháp luật đại cương	0201-07	Đỗ Thị Kim	Thanh	Pháp luật	02
290	4020103	13	002	2	100	5/20/2016	2	2	HNAD401	TUCHON1	Pháp luật đại cương	0201-07	Đỗ Thị Kim	Thanh	Pháp luật	02
291	4020103	09	001	2	81	5/20/2016	4	2	HNAD201	DCXDXD60A	Pháp luật đại cương	0201-01	Nguyễn Bình	Yên	Pháp luật	02
292	4020103	09	002	2	81	5/20/2016	4	2	HNAD101	DCXDXD60A	Pháp luật đại cương	0201-01	Nguyễn Bình	Yên	Pháp luật	02
293	4020103	10	001	2	83	5/20/2016	4	2	HNAD301	DCXDXD60B	Pháp luật đại cương	0201-06	Nguyễn Thị	Nụ	Pháp luật	02
294	4020103	10	002	2	80	5/20/2016	4	2	HNAD401	DCXDXD60B	Pháp luật đại cương	0201-06	Nguyễn Thị	Nụ	Pháp luật	02
295	4020103	14	001	2	75	5/20/2016	7	2	HNAD201	TUCHON2	Pháp luật đại cương	0201-01	Nguyễn Bình	Yên	Pháp luật	02
296	4020103	14	002	2	75	5/20/2016	7	2	HNAD101	TUCHON2	Pháp luật đại cương	0201-01	Nguyễn Bình	Yên	Pháp luật	02
297	4020103	15	001	2	14	6/13/2016	3	2	HNAA203	LCXDXD60	Pháp luật đại cương	0201-07	Đỗ Thị Kim	Thanh	Pháp luật	02

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
298	4020103	16	001	2	47	6/13/2016	3	2	HNAA207	LCTDTD60	Pháp luật đại cương	0201-07	Đỗ Thị Kim	Thanh	Pháp luật	02
299	4020201	14	001	2	24	5/19/2016	2	2	HNAD503	DCTDTD_58C	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0202-01	Nguyễn Văn	Sơn	Tư tưởng Hồ Chí M	02
300	4020201	18	001	2	29	5/19/2016	2	2	HNAB405	TUCHON2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0202-03	Trần Thị Phúc	An	Tư tưởng Hồ Chí M	02
301	4020201	18	002	2	29	5/19/2016	2	2	HNAB501	TUCHON2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0202-03	Trần Thị Phúc	An	Tư tưởng Hồ Chí M	02
302	4020201	13	001	2	30	5/19/2016	4	2	HNAA206	DCTDTD_58B	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0202-04	Nguyễn Thị Kim	Dung	Tư tưởng Hồ Chí M	02
303	4020201	13	002	2	30	5/19/2016	4	2	HNAA205	DCTDTD_58B	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0202-04	Nguyễn Thị Kim	Dung	Tư tưởng Hồ Chí M	02
304	4020201	16	001	2	21	5/21/2016	4	2	HNAB201	DCTDTD_58G	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0202-04	Nguyễn Thị Kim	Dung	Tư tưởng Hồ Chí M	02
305	4020201	12	001	2	37	5/25/2016	4	2	HNAA204	DCTDTD_58A	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0202-03	Trần Thị Phúc	An	Tư tưởng Hồ Chí M	02
306	4020201	10	001	2	40	5/26/2016	4	2	HNAA403	DCTDDC58A	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0202-03	Trần Thị Phúc	An	Tư tưởng Hồ Chí M	02
307	4020201	11	001	2	28	5/26/2016	4	2	HNAA404	DCTDDC58B	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0202-04	Nguyễn Thị Kim	Dung	Tư tưởng Hồ Chí M	02
308	4020201	17	001	2	32	5/28/2016	9	2	HNAA203	DCTDTM58	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0202-01	Nguyễn Văn	Sơn	Tư tưởng Hồ Chí M	02
309	4020201	15	001	2	30	6/1/2016	7	2	HNAA203	DCTDTD_58D	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0202-03	Trần Thị Phúc	An	Tư tưởng Hồ Chí M	02
310	4020301	01	001	3	30	5/21/2016	2	2	HNAA308	CCMOKT59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-02	Đặng Thị Thanh	Trâm	Đường lối cách mạ	02
311	4020301	01	002	3	29	5/21/2016	2	2	HNAA402	CCMOKT59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-02	Đặng Thị Thanh	Trâm	Đường lối cách mạ	02
312	4020301	02	001	3	30	5/21/2016	2	2	HNAA304	CCMOMO59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-04	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Đường lối cách mạ	02
313	4020301	02	002	3	30	5/21/2016	2	2	HNAA305	CCMOMO59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-04	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Đường lối cách mạ	02
314	4020301	03	001	3	30	5/21/2016	2	2	HNAA307	DCCDDK59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-03	Nguyễn Thị Thu	Hương	Đường lối cách mạ	02
315	4020301	03	002	3	30	5/21/2016	2	2	HNAA306	DCCDDK59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-03	Nguyễn Thị Thu	Hương	Đường lối cách mạ	02
316	4020301	04	001	3	31	5/21/2016	2	2	HNAA203	DCCDDT59A	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-05	Lê Quốc	Hiệp	Đường lối cách mạ	02
317	4020301	04	002	3	30	5/21/2016	2	2	HNAA204	DCCDDT59A	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-05	Lê Quốc	Hiệp	Đường lối cách mạ	02
318	4020301	05	001	3	31	5/21/2016	2	2	HNAA205	DCCDDT59B	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-06	Nguyễn Tuấn	Vương	Đường lối cách mạ	02
319	4020301	05	002	3	30	5/21/2016	2	2	HNAA207	DCCDDT59B	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-06	Nguyễn Tuấn	Vương	Đường lối cách mạ	02
320	4020301	06	001	3	31	5/21/2016	2	2	HNAA208	DCCDMT59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-02	Đặng Thị Thanh	Trâm	Đường lối cách mạ	02
321	4020301	06	002	3	30	5/21/2016	2	2	HNAA303	DCCDMT59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-02	Đặng Thị Thanh	Trâm	Đường lối cách mạ	02
322	4020301	07	001	3	45	5/21/2016	2	2	HNAA409	DCCTDC57	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-04	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Đường lối cách mạ	02
323	4020301	08	001	3	30	5/21/2016	4	2	HNAA303	DCDKDC57	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-03	Nguyễn Thị Thu	Hương	Đường lối cách mạ	02
324	4020301	08	002	3	30	5/21/2016	4	2	HNAA208	DCDKDC57	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-03	Nguyễn Thị Thu	Hương	Đường lối cách mạ	02
325	4020301	09	001	3	30	5/21/2016	4	2	HNAA306	DCDKDV57	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-05	Lê Quốc	Hiệp	Đường lối cách mạ	02
326	4020301	09	002	3	29	5/21/2016	4	2	HNAA307	DCDKDV57	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-05	Lê Quốc	Hiệp	Đường lối cách mạ	02
327	4020301	10	001	3	31	5/21/2016	4	2	HNAA205	DCKLD57A	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-06	Nguyễn Tuấn	Vương	Đường lối cách mạ	02
328	4020301	10	002	3	30	5/21/2016	4	2	HNAA207	DCKLD57A	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-06	Nguyễn Tuấn	Vương	Đường lối cách mạ	02
329	4020301	11	001	3	29	5/21/2016	4	2	HNAA402	DCKLD57B	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-02	Đặng Thị Thanh	Trâm	Đường lối cách mạ	02
330	4020301	11	002	3	29	5/21/2016	4	2	HNAA308	DCKLD57B	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-02	Đặng Thị Thanh	Trâm	Đường lối cách mạ	02
331	4020301	12	001	3	30	5/21/2016	4	2	HNAA305	DCKTB59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-04	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Đường lối cách mạ	02
332	4020301	12	002	3	30	5/21/2016	4	2	HNAA304	DCKTB59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-04	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Đường lối cách mạ	02
333	4020301	13	001	3	32	5/21/2016	4	2	HNAA203	DCMOKT58A	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-03	Nguyễn Thị Thu	Hương	Đường lối cách mạ	02
334	4020301	13	002	3	31	5/21/2016	4	2	HNAA204	DCMOKT58A	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-03	Nguyễn Thị Thu	Hương	Đường lối cách mạ	02
335	4020301	14	001	3	40	5/21/2016	4	2	HNAA403	DCMOKT58B	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-06	Nguyễn Tuấn	Vương	Đường lối cách mạ	02
336	4020301	15	001	3	30	5/21/2016	7	2	HNAA206	DCMOKT58C	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-05	Lê Quốc	Hiệp	Đường lối cách mạ	02
337	4020301	15	002	3	30	5/21/2016	7	2	HNAA205	DCMOKT58C	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-05	Lê Quốc	Hiệp	Đường lối cách mạ	02
338	4020301	16	001	3	36	5/21/2016	7	2	HNAA305	DCMOKT58D	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-02	Đặng Thị Thanh	Trâm	Đường lối cách mạ	02
339	4020301	17	001	3	30	5/21/2016	7	2	HNAA208	DCMOKT58G	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-03	Nguyễn Thị Thu	Hương	Đường lối cách mạ	02
340	4020301	17	002	3	30	5/21/2016	7	2	HNAA207	DCMOKT58G	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-03	Nguyễn Thị Thu	Hương	Đường lối cách mạ	02

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
341	4020301	18	001	3	27	5/21/2016	7	2	HNAA306	DCMOKT58H	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-04	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Đường lối cách mạng	02
342	4020301	19	001	3	31	5/21/2016	7	2	HNAA203	DCMOKT58A	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-05	Lê Quốc	Hiệp	Đường lối cách mạng	02
343	4020301	19	002	3	30	5/21/2016	7	2	HNAA204	DCMOKT58A	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-05	Lê Quốc	Hiệp	Đường lối cách mạng	02
344	4020301	20	001	3	49	5/21/2016	7	2	HNAA409	DCMOKT58B	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-06	Nguyễn Tuấn	Vương	Đường lối cách mạng	02
345	4020301	21	001	3	29	5/21/2016	7	2	HNAA304	DCTDAV59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-02	Đặng Thị Thanh	Trâm	Đường lối cách mạng	02
346	4020301	21	002	3	29	5/21/2016	7	2	HNAA303	DCTDAV59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-02	Đặng Thị Thanh	Trâm	Đường lối cách mạng	02
347	4020301	22	001	3	36	5/21/2016	9	2	HNAA203	DCTDBD59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-04	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Đường lối cách mạng	02
348	4020301	22	002	3	35	5/21/2016	9	2	HNAA204	DCTDBD59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-04	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Đường lối cách mạng	02
349	4020301	23	001	3	35	5/21/2016	9	2	HNAA206	DCTDTD_59A	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-03	Nguyễn Thị Thu	Hương	Đường lối cách mạng	02
350	4020301	23	002	3	35	5/21/2016	9	2	HNAA205	DCTDTD_59A	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-03	Nguyễn Thị Thu	Hương	Đường lối cách mạng	02
351	4020301	24	001	3	31	5/21/2016	9	2	HNAA207	DCTDTD_59B	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-06	Nguyễn Tuấn	Vương	Đường lối cách mạng	02
352	4020301	24	002	3	30	5/21/2016	9	2	HNAA208	DCTDTD_59B	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-06	Nguyễn Tuấn	Vương	Đường lối cách mạng	02
353	4020301	25	001	3	30	5/21/2016	9	2	HNAA303	DCTDTM59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-05	Lê Quốc	Hiệp	Đường lối cách mạng	02
354	4020301	25	002	3	30	5/21/2016	9	2	HNAA304	DCTDTM59	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-05	Lê Quốc	Hiệp	Đường lối cách mạng	02
355	4020301	26	001	3	29	5/21/2016	9	2	HNAA404	DCXDHT58	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-01	Phạm Công	Thỉnh	Đường lối cách mạng	02
356	4020301	26	002	3	29	5/21/2016	9	2	HNAA405	DCXDHT58	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-01	Phạm Công	Thỉnh	Đường lối cách mạng	02
357	4020301	27	001	3	30	5/21/2016	9	2	HNAA306	DCXDNM58	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-04	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Đường lối cách mạng	02
358	4020301	27	002	3	30	5/21/2016	9	2	HNAA305	DCXDNM58	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-04	Nguyễn Thị Thúy	Hà	Đường lối cách mạng	02
359	4020301	28	001	3	30	5/21/2016	9	2	HNAA307	TUCHON5	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-03	Nguyễn Thị Thu	Hương	Đường lối cách mạng	02
360	4020301	28	002	3	30	5/21/2016	9	2	HNAA308	TUCHON5	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-03	Nguyễn Thị Thu	Hương	Đường lối cách mạng	02
361	4020301	29	001	3	30	5/21/2016	9	2	HNAA402	TUCHON6	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-05	Lê Quốc	Hiệp	Đường lối cách mạng	02
362	4020301	29	002	3	29	5/21/2016	9	2	HNAA403	TUCHON6	ĐLCM của Đảng CS Việt Nam	0203-05	Lê Quốc	Hiệp	Đường lối cách mạng	02
363	4030114	03	001	2	99	5/17/2016	2	2	HNAD101	TUCHON1	Cơ sở khai thác lộ thiên	0301-12	Lê Thị Minh	Hạnh	Khai thác lộ thiên	03
364	4030114	03	002	2	98	5/17/2016	2	2	HNAD201	TUCHON1	Cơ sở khai thác lộ thiên	0301-12	Lê Thị Minh	Hạnh	Khai thác lộ thiên	03
365	4030114	02	001	2	29	5/17/2016	4	2	HNAA403	DCKTKD59A	Cơ sở khai thác lộ thiên	0301-12	Lê Thị Minh	Hạnh	Khai thác lộ thiên	03
366	4030114	02	002	2	29	5/17/2016	4	2	HNAA402	DCKTKD59A	Cơ sở khai thác lộ thiên	0301-12	Lê Thị Minh	Hạnh	Khai thác lộ thiên	03
367	4030114	01	001	2	33	5/28/2016	2	2	HNAA404	TUCHON6	Cơ sở khai thác lộ thiên	0301-12	Lê Thị Minh	Hạnh	Khai thác lộ thiên	03
368	4030114	01	002	2	32	5/28/2016	2	2	HNAA405	TUCHON6	Cơ sở khai thác lộ thiên	0301-12	Lê Thị Minh	Hạnh	Khai thác lộ thiên	03
369	4030208	01	001	2	31	5/19/2016	2	2	HNAA307	TUCHON6	Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò	0302-13	Đào Văn	Chi	Khai thác hầm lò	03
370	4030208	01	002	2	31	5/19/2016	2	2	HNAA308	TUCHON6	Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò	0302-13	Đào Văn	Chi	Khai thác hầm lò	03
371	4030208	02	001	2	29	6/2/2016	4	2	HNAA205	TUCHON5	Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò	0302-23	Đặng Phương	Thảo	Khai thác hầm lò	03
372	4030208	02	002	2	28	6/2/2016	4	2	HNAA206	TUCHON5	Kỹ thuật môi trường mỏ hầm lò	0302-23	Đặng Phương	Thảo	Khai thác hầm lò	03
373	4030422	04	001	2	31	6/4/2016	11	2	HNAD201	DCMOKT59A	Cơ sở tuyển khoáng	0304-04	Nguyễn Hoàng	Sơn	Tuyển khoáng	03
374	4030422	04	002	2	30	6/4/2016	11	2	HNAD201	DCMOKT59A	Cơ sở tuyển khoáng	0304-04	Nguyễn Hoàng	Sơn	Tuyển khoáng	03
375	4030422	05	001	2	31	6/4/2016	11	2	HNAD201	DCMOKT59B	Cơ sở tuyển khoáng	0304-13	Phùng Tiến	Thuật	Tuyển khoáng	03
376	4030422	05	002	2	30	6/4/2016	11	2	HNAD201	DCMOKT59B	Cơ sở tuyển khoáng	0304-13	Phùng Tiến	Thuật	Tuyển khoáng	03
377	4030422	06	001	2	30	6/4/2016	11	2	HNAD301	DCMOTL59	Cơ sở tuyển khoáng	0304-09	Trần Trung	Tới	Tuyển khoáng	03
378	4030422	06	002	2	30	6/4/2016	11	2	HNAD301	DCMOTL59	Cơ sở tuyển khoáng	0304-09	Trần Trung	Tới	Tuyển khoáng	03
379	4030422	07	001	2	30	6/4/2016	11	2	HNAD301	TUCHON5	Cơ sở tuyển khoáng	0304-13	Phùng Tiến	Thuật	Tuyển khoáng	03
380	4030422	07	002	2	30	6/4/2016	11	2	HNAD301	TUCHON5	Cơ sở tuyển khoáng	0304-13	Phùng Tiến	Thuật	Tuyển khoáng	03
381	4030422	08	001	2	30	6/4/2016	11	2	HNAD401	TUCHON6	Cơ sở tuyển khoáng	0304-12	Phạm Thanh	Hải	Tuyển khoáng	03
382	4030422	08	002	2	30	6/4/2016	11	2	HNAD401	TUCHON6	Cơ sở tuyển khoáng	0304-12	Phạm Thanh	Hải	Tuyển khoáng	03
383	4030422	10	001	2	50	6/4/2016	11	2	HNAD401	LCMOMO60	Cơ sở tuyển khoáng	0304-13	Phùng Tiến	Thuật	Tuyển khoáng	03

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
384	4030502	01	001	3	30	5/16/2016	2	2	HNAA203	DCXDDC59A	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	0305-02	Phạm Tuấn	Long	Sức bền vật liệu	03
385	4030502	01	002	3	30	5/16/2016	2	2	HNAA204	DCXDDC59A	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	0305-02	Phạm Tuấn	Long	Sức bền vật liệu	03
386	4030502	02	001	3	30	5/16/2016	2	2	HNAA205	DCXDDC59B	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	0305-07	Đỗ Ngọc	Tú	Sức bền vật liệu	03
387	4030502	02	002	3	30	5/16/2016	2	2	HNAA206	DCXDDC59B	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	0305-07	Đỗ Ngọc	Tú	Sức bền vật liệu	03
388	4030502	03	001	3	28	5/16/2016	2	2	HNAA208	DCXDHT59	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	0305-06	Bùi Thị	Thuyết	Sức bền vật liệu	03
389	4030502	03	002	3	28	5/16/2016	2	2	HNAA207	DCXDHT59	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	0305-06	Bùi Thị	Thuyết	Sức bền vật liệu	03
390	4030502	04	001	3	46	5/16/2016	2	2	HNAA409	DCXDNM59	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	0305-11	Đinh Thị Thu	Hà	Sức bền vật liệu	03
391	4030502	05	001	3	37	5/16/2016	2	2	HNAA303	DCXDXN59A	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	0305-10	Trần Mạnh	Tiến	Sức bền vật liệu	03
392	4030502	06	001	3	19	5/16/2016	2	2	HNAA304	DCXDXN59B	Sức bền vật liệu 2 + BTL2	0305-04	Nguyễn Việt	Thắng	Sức bền vật liệu	03
393	4030504	03	001	2	31	5/16/2016	9	2	HNAA204	DCDKLD59A	Sức bền vật liệu B	0305-02	Phạm Tuấn	Long	Sức bền vật liệu	03
394	4030504	03	002	2	31	5/16/2016	9	2	HNAA203	DCDKLD59A	Sức bền vật liệu B	0305-02	Phạm Tuấn	Long	Sức bền vật liệu	03
395	4030504	04	001	2	30	5/16/2016	9	2	HNAA206	DCDKLD59B	Sức bền vật liệu B	0305-04	Nguyễn Việt	Thắng	Sức bền vật liệu	03
396	4030504	04	002	2	30	5/16/2016	9	2	HNAA205	DCDKLD59B	Sức bền vật liệu B	0305-04	Nguyễn Việt	Thắng	Sức bền vật liệu	03
397	4040101	01	001	3	29	5/28/2016	4	2	HNAA305	DCTDBD59	Địa chất đại cương	0401-12	Phạm Nguyên	Phương	Địa chất	04
398	4040101	01	002	3	28	5/28/2016	4	2	HNAA306	DCTDBD59	Địa chất đại cương	0401-12	Phạm Nguyên	Phương	Địa chất	04
399	4040101	02	001	3	26	6/2/2016	2	2	HNAB202	TUCHON6	Địa chất đại cương	0401-12	Phạm Nguyên	Phương	Địa chất	04
400	4040101	02	002	3	26	6/2/2016	2	2	HNAB201	TUCHON6	Địa chất đại cương	0401-12	Phạm Nguyên	Phương	Địa chất	04
401	4040207	04	001	2	41	6/4/2016	11	2	HNAD101	DCMOKT59D	Địa chất mỏ	0402-05	Nguyễn Trọng	Toan	Tìm kiếm thăm dò	04
402	4040207	05	001	2	31	6/4/2016	11	2	HNAD101	DCMOKT59G	Địa chất mỏ	0402-08	Khương Thế	Hùng	Tìm kiếm thăm dò	04
403	4040207	05	002	2	30	6/4/2016	11	2	HNAD101	DCMOKT59G	Địa chất mỏ	0402-08	Khương Thế	Hùng	Tìm kiếm thăm dò	04
404	4040207	07	001	2	26	6/4/2016	11	2	HNAD101	LOPTHEM	Địa chất mỏ				Tìm kiếm thăm dò	04
405	4040519	01	001	3	27	6/2/2016	11	2	HNAD401	DCXDDC59A	Địa chất công trình	0405-24	Nguyễn Văn	Hùng	Địa chất công trình	04
406	4040519	01	002	3	27	6/2/2016	11	2	HNAD401	DCXDDC59A	Địa chất công trình	0405-24	Nguyễn Văn	Hùng	Địa chất công trình	04
407	4040519	02	001	3	29	6/2/2016	11	2	HNAD401	DCXDDC59B	Địa chất công trình	0405-19	Vũ Thái	Linh	Địa chất công trình	04
408	4040519	02	002	3	29	6/2/2016	11	2	HNAD401	DCXDDC59B	Địa chất công trình	0405-19	Vũ Thái	Linh	Địa chất công trình	04
409	4040519	03	001	3	45	6/2/2016	11	2	HNAD402	DCXDHT59	Địa chất công trình	0405-23	Nguyễn Ngọc	Dũng	Địa chất công trình	04
410	4040519	04	001	3	42	6/2/2016	11	2	HNAD301	DCXDNM59	Địa chất công trình	0405-23	Nguyễn Ngọc	Dũng	Địa chất công trình	04
411	4040519	05	001	3	37	6/2/2016	11	2	HNAD301	DCXDXN59A	Địa chất công trình	0405-21	Bùi	Bình	Địa chất công trình	04
412	4040519	06	001	3	25	6/2/2016	11	2	HNAD301	DCXDXN59B	Địa chất công trình	0405-19	Vũ Thái	Linh	Địa chất công trình	04
413	4040616	01	001	3	28	5/21/2016	2	2	HNAD202	DCDCNK58	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất	0406-16	Nguyễn Hữu	Mạnh	Địa chất thủy văn	04
414	4040717	01	001	3	37	5/19/2016	4	2	HNAA405	DCDCNK57	Nguyên liệu khoáng và công nghệ	0407-07	Nguyễn Văn	Lâm	Nguyên liệu khoáng	04
415	4050202	02	001	3	31	5/20/2016	2	2	HNAB204	DCTDTD_58B	Xây dựng lưới trắc địa	0502-13	Vũ Văn	Trí	Trắc địa cao cấp	05
416	4050202	02	002	3	30	5/20/2016	2	2	HNAB205	DCTDTD_58B	Xây dựng lưới trắc địa	0502-13	Vũ Văn	Trí	Trắc địa cao cấp	05
417	4050202	03	001	3	34	5/20/2016	4	2	HNAB201	DCTDTD_58C	Xây dựng lưới trắc địa	0502-16	Vũ Đình	Toàn	Trắc địa cao cấp	05
418	4050202	05	001	3	19	5/20/2016	4	2	HNAB401	DCTDTD_58G	Xây dựng lưới trắc địa	0502-17	Phạm Ngọc	Quang	Trắc địa cao cấp	05
419	4050202	04	001	3	28	5/23/2016	4	2	HNAA305	DCTDTD_58D	Xây dựng lưới trắc địa	0502-13	Vũ Văn	Trí	Trắc địa cao cấp	05
420	4050202	04	002	3	27	5/23/2016	4	2	HNAA306	DCTDTD_58D	Xây dựng lưới trắc địa	0502-13	Vũ Văn	Trí	Trắc địa cao cấp	05
421	4050202	01	001	3	30	5/24/2016	2	2	HNAB201	DCTDTD_58A	Xây dựng lưới trắc địa	0502-11	Lê Thị Thanh	Tâm	Trắc địa cao cấp	05
422	4050202	01	002	3	30	5/24/2016	2	2	HNAA408	DCTDTD_58A	Xây dựng lưới trắc địa	0502-11	Lê Thị Thanh	Tâm	Trắc địa cao cấp	05
423	4050303	01	001	3	50	6/3/2016	11	2	HNAD402	CCTDTD59	Cơ sở đo ảnh + BTL	0503-19	Phạm Thị Thanh	Hòa	Đo ảnh và Viễn thá	05
424	4050303	02	001	3	30	6/3/2016	11	2	HNAD403	DCTDAV59	Cơ sở đo ảnh + BTL	0503-18	Nguyễn Minh	Hải	Đo ảnh và Viễn thá	05
425	4050303	03	001	3	29	6/3/2016	11	2	HNAD302	DCTDBD58	Cơ sở đo ảnh + BTL	0503-17	Lê Thanh	Nghị	Đo ảnh và Viễn thá	05
426	4050303	04	001	3	20	6/3/2016	11	2	HNAD303	DCTDTM58	Cơ sở đo ảnh + BTL	0503-17	Lê Thanh	Nghị	Đo ảnh và Viễn thá	05

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
427	4050526	05	001	2	30	5/19/2016	11	2	HNAD401	DCDCNK59	Trắc địa đại cương	0505-04	Phạm Công	Khải	Trắc địa mỏ	05
428	4050526	05	002	2	30	5/19/2016	11	2	HNAD401	DCDCNK59	Trắc địa đại cương	0505-04	Phạm Công	Khải	Trắc địa mỏ	05
429	4050526	06	001	2	35	5/19/2016	11	2	HNAD401	DCDKKK59A	Trắc địa đại cương	0505-03	Vương Trọng	Kha	Trắc địa mỏ	05
430	4050526	06	002	2	35	5/19/2016	11	2	HNAD301	DCDKKK59A	Trắc địa đại cương	0505-03	Vương Trọng	Kha	Trắc địa mỏ	05
431	4050526	07	001	2	30	5/19/2016	11	2	HNAD301	DCDKKK59B	Trắc địa đại cương	0505-10	Phạm Văn	Chung	Trắc địa mỏ	05
432	4050526	07	002	2	30	5/19/2016	11	2	HNAD301	DCDKKK59B	Trắc địa đại cương	0505-10	Phạm Văn	Chung	Trắc địa mỏ	05
433	4050526	09	001	2	31	5/19/2016	11	2	HNAD201	TUCHON6	Trắc địa đại cương	0505-11	Lê Văn	Cảnh	Trắc địa mỏ	05
434	4050526	09	002	2	31	5/19/2016	11	2	HNAD201	TUCHON6	Trắc địa đại cương	0505-11	Lê Văn	Cảnh	Trắc địa mỏ	05
435	4050526	10	001	2	36	5/19/2016	11	2	HNAD201	TUCHON5	Trắc địa đại cương	0505-05	Lê Thị Thu	Hà	Trắc địa mỏ	05
436	4050622	01	001	2	49	5/20/2016	4	2	HNAB207	DCTDDC57	Đo đạc địa chính 2	0506-08	Phạm Thế	Huỳnh	Địa chính	05
437	4050704	01	001	3	45	5/19/2016	2	2	HNAD402	DCTDBD59	Phép chiếu bản đồ + ĐA	0507-06	Bùi Ngọc	Quý	Bản đồ	05
438	4060103	01	001	3	31	5/30/2016	2	2	HNAB202	DCDKDV58	Thăm dò điện 1	0601-19	Phạm Ngọc	Kiên	Địa vật lý	06
439	4060103	01	002	3	30	5/30/2016	2	2	HNAB204	DCDKDV58	Thăm dò điện 1	0601-19	Phạm Ngọc	Kiên	Địa vật lý	06
440	4060142	06	001	2	26	5/19/2016	4	2	HNAA402	DCDKKT57	Địa vật lý đại cương	0601-16	Phan Thị	Hồng	Địa vật lý	06
441	4060142	06	002	2	25	5/19/2016	4	2	HNAA403	DCDKKT57	Địa vật lý đại cương	0601-16	Phan Thị	Hồng	Địa vật lý	06
442	4060142	05	001	2	30	5/26/2016	2	2	HNAB303	DCDKDV59	Địa vật lý đại cương	0601-17	Trương Thị	Chinh	Địa vật lý	06
443	4060142	05	002	2	30	5/26/2016	2	2	HNAB305	DCDKDV59	Địa vật lý đại cương	0601-17	Trương Thị	Chinh	Địa vật lý	06
444	4060142	04	001	2	30	5/26/2016	4	2	HNAA205	DCDKDC59	Địa vật lý đại cương	0601-17	Trương Thị	Chinh	Địa vật lý	06
445	4060142	04	002	2	29	5/26/2016	4	2	HNAA206	DCDKDC59	Địa vật lý đại cương	0601-17	Trương Thị	Chinh	Địa vật lý	06
446	4060210	01	001	3	39	5/18/2016	2	2	HNAB306	DCDKDC58	Vật lý vỉa dầu khí + TH	0602-12	Bùi Thị	Ngân	Địa chất dầu	06
447	4060304	02	001	2	30	5/27/2016	2	2	HNAB202	DCDKLD59B	Công nghệ sinh học đại cương	0603-08	Nguyễn Thị	Linh	Lọc hoá dầu	06
448	4060304	02	002	2	29	5/27/2016	2	2	HNAB204	DCDKLD59B	Công nghệ sinh học đại cương	0603-08	Nguyễn Thị	Linh	Lọc hoá dầu	06
449	4060306	02	001	2	31	6/3/2016	2	2	HNAA307	DCDKLD58B	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	0603-11	Công Ngọc	Thắng	Lọc hoá dầu	06
450	4060306	02	002	2	31	6/3/2016	2	2	HNAA308	DCDKLD58B	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	0603-11	Công Ngọc	Thắng	Lọc hoá dầu	06
451	4060401	02	001	2	27	5/20/2016	7	2	HNAA206	DCDKKK58B	Nguyên lý phá hủy	0604-32	Hoàng	Dung	Khoan khai thác dầu	06
452	4060401	02	002	2	27	5/20/2016	7	2	HNAA205	DCDKKK58B	Nguyên lý phá hủy	0604-32	Hoàng	Dung	Khoan khai thác dầu	06
453	4060402	07	001	2	33	5/28/2016	11	2	HNAD301	DCKTKD59B	Kỹ thuật dầu khí đại cương	0604-12	Nguyễn Văn	Thành	Khoan khai thác dầu	06
454	4060402	07	002	2	32	5/28/2016	11	2	HNAD301	DCKTKD59B	Kỹ thuật dầu khí đại cương	0604-12	Nguyễn Văn	Thành	Khoan khai thác dầu	06
455	4060402	05	001	2	30	5/28/2016	11	2	HNAD301	DCDKTB58	Kỹ thuật dầu khí đại cương	0604-12	Nguyễn Văn	Thành	Khoan khai thác dầu	06
456	4060402	05	002	2	30	5/28/2016	11	2	HNAD201	DCDKTB58	Kỹ thuật dầu khí đại cương	0604-12	Nguyễn Văn	Thành	Khoan khai thác dầu	06
457	4060402	02	001	2	30	5/28/2016	11	2	HNAD201	DCDKKK58B	Kỹ thuật dầu khí đại cương	0604-09	Doãn Thị	Trâm	Khoan khai thác dầu	06
458	4060402	02	002	2	30	5/28/2016	11	2	HNAD201	DCDKKK58B	Kỹ thuật dầu khí đại cương	0604-09	Doãn Thị	Trâm	Khoan khai thác dầu	06
459	4060402	06	001	2	30	5/28/2016	11	2	HNAD101	TUCHON6	Kỹ thuật dầu khí đại cương	0604-12	Nguyễn Văn	Thành	Khoan khai thác dầu	06
460	4060402	06	002	2	30	5/28/2016	11	2	HNAD101	TUCHON6	Kỹ thuật dầu khí đại cương	0604-12	Nguyễn Văn	Thành	Khoan khai thác dầu	06
461	4060402	08	001	2	30	5/28/2016	11	2	HNAD101	TUCHON5	Kỹ thuật dầu khí đại cương	0604-20	Tổng Trần	Anh	Khoan khai thác dầu	06
462	4060402	08	002	2	29	5/28/2016	11	2	HNAD101	TUCHON5	Kỹ thuật dầu khí đại cương	0604-20	Tổng Trần	Anh	Khoan khai thác dầu	06
463	4060412	01	001	2	31	5/26/2016	2	2	HNAA402	TUCHON6	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất	0604-07	Lê Quang	Duyên	Khoan khai thác dầu	06
464	4060412	01	002	2	31	5/26/2016	2	2	HNAA403	TUCHON6	Thu gom, xử lý và vận chuyển chất	0604-07	Lê Quang	Duyên	Khoan khai thác dầu	06
465	4060413	01	001	2	30	5/25/2016	2	2	HNAA404	TUCHON5	Công nghệ khoan dầu khí	0604-07	Lê Quang	Duyên	Khoan khai thác dầu	06
466	4060413	01	002	2	30	5/25/2016	2	2	HNAA403	TUCHON5	Công nghệ khoan dầu khí	0604-07	Lê Quang	Duyên	Khoan khai thác dầu	06
467	4060414	01	001	2	45	5/18/2016	4	2	HNAA409	TUCHON6	Công nghệ khai thác dầu khí	0604-12	Nguyễn Văn	Thành	Khoan khai thác dầu	06
468	4060419	01	001	2	30	5/23/2016	2	2	HNAB401	TUCHON5	Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên	0604-01	Lê Xuân	Lân	Khoan khai thác dầu	06
469	4060419	01	002	2	30	5/23/2016	2	2	HNAB311	TUCHON5	Kỹ thuật Khai thác khí thiên nhiên	0604-01	Lê Xuân	Lân	Khoan khai thác dầu	06

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
470	4060420	02	001	2	30	6/2/2016	11	2	HNAD201	TUCHON6	Thu hồi dầu khí tăng cường	0604-01	Lê Xuân	Lân	Khoan khai thác dầu	06
471	4060420	02	002	2	29	6/2/2016	11	2	HNAD201	TUCHON6	Thu hồi dầu khí tăng cường	0604-01	Lê Xuân	Lân	Khoan khai thác dầu	06
472	4060420	01	001	2	32	6/2/2016	11	2	HNAD201	TUCHON5	Thu hồi dầu khí tăng cường	0604-01	Lê Xuân	Lân	Khoan khai thác dầu	06
473	4060420	01	002	2	31	6/2/2016	11	2	HNAD201	TUCHON5	Thu hồi dầu khí tăng cường	0604-01	Lê Xuân	Lân	Khoan khai thác dầu	06
474	4060428	01	001	2	30	5/16/2016	4	2	HNAA406	TUCHON6	Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ	0604-03	Hồ Quốc	Hoa	Khoan khai thác dầu	06
475	4060428	01	002	2	30	5/16/2016	4	2	HNAA405	TUCHON6	Kỹ thuật bảo hộ lao động và bảo vệ	0604-03	Hồ Quốc	Hoa	Khoan khai thác dầu	06
476	4060503	02	001	4	34	5/31/2016	4	2	HNAA402	DCDKKK57B	Thiết bị khai thác dầu khí 1	0605-01	Trần Văn	Bản	Thiết bị dầu khí và	06
477	4060505	01	001	3	45	5/20/2016	4	2	HNAB310	DCDKTB57	Thiết bị xử lý sản phẩm khai thác	0605-04	Nguyễn Văn	Thịnh	Thiết bị dầu khí và	06
478	4060508	01	001	3	45	6/3/2016	2	2	HNAD502	DCDKTB57	Công trình đường ống và bể chứa	0904-10	Đào Thị	Uyên	Thiết bị dầu khí và	06
479	4060512	01	001	2	49	5/30/2016	2	2	HNAD403	TUCHON5	Thiết bị khoan dầu khí 2	0605-11	Hoàng Anh	Dũng	Thiết bị dầu khí và	06
480	4060514	01	001	2	45	5/28/2016	2	2	HNAB506	DCDKTB57	Tiếng Anh chuyên ngành thiết bị d	0604-20	Tổng Trần	Anh	Thiết bị dầu khí và	06
481	4070102	01	001	3	33	5/28/2016	11	2	HNAD101	TUCHON6	Kinh tế vĩ mô	0701-04	Trần Anh	Dũng	Kinh tế cơ sở	07
482	4070102	01	002	3	32	5/28/2016	11	2	HNAD101	TUCHON6	Kinh tế vĩ mô	0701-04	Trần Anh	Dũng	Kinh tế cơ sở	07
483	4070102	02	001	3	28	5/28/2016	11	2	HNAD101	TUCHON5	Kinh tế vĩ mô	0701-06	Vũ Diệp	Anh	Kinh tế cơ sở	07
484	4070103	01	001	3	53	6/2/2016	11	2	HNAD101	CCKTKT59	Kinh tế lượng	0701-06	Vũ Diệp	Anh	Kinh tế cơ sở	07
485	4070103	02	001	3	28	6/2/2016	11	2	HNAD101	DCCTKT58A	Kinh tế lượng	0701-06	Vũ Diệp	Anh	Kinh tế cơ sở	07
486	4070103	03	001	3	24	6/2/2016	11	2	HNAD101	DCCTKT58B	Kinh tế lượng	0701-06	Vũ Diệp	Anh	Kinh tế cơ sở	07
487	4070216	04	001	2	24	5/30/2016	11	2	HNAD101	DCKTKT_59D	Quản trị học	0702-03	Đào Anh	Tuấn	Kinh tế mở	07
488	4070216	05	001	2	19	5/30/2016	11	2	HNAD101	DCKTTC59	Quản trị học	0702-03	Đào Anh	Tuấn	Kinh tế mở	07
489	4070216	06	001	2	22	5/30/2016	11	2	HNAD101	TUCHON6	Quản trị học	0702-12	Lê Đình	Chiều	Kinh tế mở	07
490	4070303	03	001	3	31	5/26/2016	2	2	HNAA406	DCKTKD59C	Kinh tế công nghiệp	0703-11	Kim Mạnh	Tuấn	Kinh tế Địa chất- D	07
491	4070303	03	002	3	30	5/26/2016	2	2	HNAA407	DCKTKD59C	Kinh tế công nghiệp	0703-11	Kim Mạnh	Tuấn	Kinh tế Địa chất- D	07
492	4070303	05	001	3	43	6/3/2016	4	2	HNAB311	DCKTKD59C	Kinh tế công nghiệp	0703-11	Kim Mạnh	Tuấn	Kinh tế Địa chất- D	07
493	4070401	01	001	3	30	6/3/2016	11	2	HNAD202	DCKTKD58A	Nguyên lý kế toán	0704-17	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Kế toán	07
494	4070401	01	002	3	30	6/3/2016	11	2	HNAD203	DCKTKD58A	Nguyên lý kế toán	0704-17	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Kế toán	07
495	4070401	02	001	3	30	6/3/2016	11	2	HNAD101	DCKTKD58B	Nguyên lý kế toán	0704-19	Phan Minh	Quang	Kế toán	07
496	4070401	02	002	3	29	6/3/2016	11	2	HNAD101	DCKTKD58B	Nguyên lý kế toán	0704-19	Phan Minh	Quang	Kế toán	07
497	4070401	03	001	3	38	6/3/2016	11	2	HNAD101	DCKTKD58C	Nguyên lý kế toán	0704-10	Phạm Thu	Hương	Kế toán	07
498	4070401	04	001	3	27	6/3/2016	11	2	HNAD101	DCKTKT_59A	Nguyên lý kế toán	0704-10	Phạm Thu	Hương	Kế toán	07
499	4070401	04	002	3	26	6/3/2016	11	2	HNAD201	DCKTKT_59A	Nguyên lý kế toán	0704-10	Phạm Thu	Hương	Kế toán	07
500	4070401	05	001	3	30	6/3/2016	11	2	HNAD201	DCKTKT_59B	Nguyên lý kế toán	0704-07	Phạm Thị Hồng	Hạnh	Kế toán	07
501	4070401	05	002	3	29	6/3/2016	11	2	HNAD201	DCKTKT_59B	Nguyên lý kế toán	0704-07	Phạm Thị Hồng	Hạnh	Kế toán	07
502	4070401	06	001	3	30	6/3/2016	11	2	HNAD201	DCKTKT_59C	Nguyên lý kế toán	0704-07	Phạm Thị Hồng	Hạnh	Kế toán	07
503	4070401	06	002	3	30	6/3/2016	11	2	HNAD301	DCKTKT_59C	Nguyên lý kế toán	0704-07	Phạm Thị Hồng	Hạnh	Kế toán	07
504	4070401	07	001	3	45	6/3/2016	11	2	HNAD301	DCKTKT_59D	Nguyên lý kế toán	0704-13	Nguyễn Thị Minh	Thu	Kế toán	07
505	4070401	08	001	3	30	6/3/2016	11	2	HNAD301	DCKTTC59	Nguyên lý kế toán	0704-13	Nguyễn Thị Minh	Thu	Kế toán	07
506	4070401	08	002	3	30	6/3/2016	11	2	HNAD401	DCKTTC59	Nguyên lý kế toán	0704-13	Nguyễn Thị Minh	Thu	Kế toán	07
507	4070401	09	001	3	43	6/3/2016	11	2	HNAD401	DCKTKD58C	Nguyên lý kế toán	0704-19	Phan Minh	Quang	Kế toán	07
508	4070401	10	001	3	49	6/3/2016	11	2	HNAD401	TUCHON5	Nguyên lý kế toán	0704-17	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Kế toán	07
509	4080122	02	001	2	31	5/30/2016	11	2	HNAD301	DCCTPM59A	Tiếng Anh chuyên ngành công ngh	0801-01	Lê Văn	Hưng	Công nghệ phần m	08
510	4080122	02	002	2	29	5/30/2016	11	2	HNAD301	DCCTPM59A	Tiếng Anh chuyên ngành công ngh	0801-01	Lê Văn	Hưng	Công nghệ phần m	08
511	4080122	03	001	2	29	5/30/2016	11	2	HNAD301	DCCTPM59B	Tiếng Anh chuyên ngành công ngh	0801-01	Lê Văn	Hưng	Công nghệ phần m	08
512	4080122	03	002	2	29	5/30/2016	11	2	HNAD201	DCCTPM59B	Tiếng Anh chuyên ngành công ngh	0801-01	Lê Văn	Hưng	Công nghệ phần m	08

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
513	4080122	01	001	2	44	5/30/2016	11	2	HNAD201	CCCTCT59	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ	0801-13	Nguyễn Thị	Thanh	Công nghệ phần mềm	08
514	4080122	04	001	2	23	5/30/2016	11	2	HNAD201	TUCHON6	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ	0801-13	Nguyễn Thị	Thanh	Công nghệ phần mềm	08
515	4080201	01	001	3	111	5/18/2016	2	2	HNAD101	DCCDCD60A	Tin học đại cương +TH (dùng cho	0802-07	Đào Thu	Vân	Tin học cơ bản	08
516	4080201	01	002	3	110	5/18/2016	2	2	HNAD201	DCCDCD60A	Tin học đại cương +TH (dùng cho	0802-07	Đào Thu	Vân	Tin học cơ bản	08
517	4080201	02	001	3	111	5/18/2016	2	2	HNAD301	DCCDCD60B	Tin học đại cương +TH (dùng cho	0802-09	Vũ Lan	Phương	Tin học cơ bản	08
518	4080201	02	002	3	110	5/18/2016	2	2	HNAD401	DCCDCD60B	Tin học đại cương +TH (dùng cho	0802-09	Vũ Lan	Phương	Tin học cơ bản	08
519	4080201	03	001	3	101	5/18/2016	4	2	HNAD101	DCCTCT60A	Tin học đại cương +TH (dùng cho	0802-09	Vũ Lan	Phương	Tin học cơ bản	08
520	4080201	03	002	3	100	5/18/2016	4	2	HNAD201	DCCTCT60A	Tin học đại cương +TH (dùng cho	0802-09	Vũ Lan	Phương	Tin học cơ bản	08
521	4080201	05	001	3	103	5/18/2016	4	2	HNAD301	TUCHON1	Tin học đại cương +TH (dùng cho	0802-14	Đặng Quốc	Trung	Tin học cơ bản	08
522	4080201	05	002	3	100	5/18/2016	4	2	HNAD401	TUCHON1	Tin học đại cương +TH (dùng cho	0802-14	Đặng Quốc	Trung	Tin học cơ bản	08
523	4080201	04	001	3	100	5/18/2016	7	2	HNAD201	DCCTCT60B	Tin học đại cương +TH (dùng cho	0802-02	Đặng Hữu	Nghị	Tin học cơ bản	08
524	4080201	04	002	3	100	5/18/2016	7	2	HNAD101	DCCTCT60B	Tin học đại cương +TH (dùng cho	0802-02	Đặng Hữu	Nghị	Tin học cơ bản	08
525	4080201	06	001	3	83	5/18/2016	7	2	HNAD301	TUCHON2	Tin học đại cương +TH (dùng cho	0802-13	Bùi Thị Vân	Anh	Tin học cơ bản	08
526	4080201	06	002	3	83	5/18/2016	7	2	HNAD401	TUCHON2	Tin học đại cương +TH (dùng cho	0802-13	Bùi Thị Vân	Anh	Tin học cơ bản	08
527	4080201	07	001	3	17	6/13/2016	3	2	HNAA204	LOPTHEM	Tin học đại cương +TH (dùng cho				Tin học cơ bản	08
528	4080201	08	001	3	13	6/13/2016	3	2	HNAA205	CCCDDK58	Tin học đại cương +TH (dùng cho	0802-02	Đặng Hữu	Nghị	Tin học cơ bản	08
529	4080604	02	001	2	45	5/19/2016	4	2	HNAB204	DCCTKT58B	Phát triển ứng dụng tin học trong quản lý	0806-05	Phạm Thị	Nguyệt	Tin học Kinh tế	08
530	4080707	02	001	3	39	5/25/2016	2	2	HNAB503	DCCTPM57	Lập trình mạng	0801-11	Phan Mạnh	Tiến	Mạng máy tính	08
531	4080707	01	001	3	49	6/3/2016	2	2	HNAB506	DCCTMM58	Lập trình mạng	0801-11	Phan Mạnh	Tiến	Mạng máy tính	08
532	4090107	01	001	2	30	6/3/2016	4	2	HNAA206	TUCHON6	An toàn điện	0901-02	Nguyễn Hanh	Tiến	Điện khí hoá	09
533	4090107	01	002	2	30	6/3/2016	4	2	HNAA205	TUCHON6	An toàn điện	0901-02	Nguyễn Hanh	Tiến	Điện khí hoá	09
534	4090126	02	001	2	32	5/18/2016	2	2	HNAA306	DCCDTD57B	Cơ sở cung cấp điện	0901-09	Ngô Thanh	Tuấn	Điện khí hoá	09
535	4090126	02	002	2	32	5/18/2016	2	2	HNAA305	DCCDTD57B	Cơ sở cung cấp điện	0901-09	Ngô Thanh	Tuấn	Điện khí hoá	09
536	4090126	04	001	2	28	5/24/2016	2	2	HNAD203	TUCHON5	Cơ sở cung cấp điện	0901-05	Phạm Trung	Sơn	Điện khí hoá	09
537	4090126	05	001	2	50	6/7/2016	3	2	HNAA207	LCMOMO60	Cơ sở cung cấp điện	0901-09	Ngô Thanh	Tuấn	Điện khí hoá	09
538	4090130	02	001	2	32	5/23/2016	4	2	HNAB205	DCCDHT58B	Lưới điện 1	0901-11	Nguyễn Thị Bích	Hậu	Điện khí hoá	09
539	4090152	02	001	2	30	5/19/2016	2	2	HNAB307	TUCHON6	Vận hành hệ thống điện	0901-11	Nguyễn Thị Bích	Hậu	Điện khí hoá	09
540	4090152	02	002	2	30	5/19/2016	2	2	HNAB306	TUCHON6	Vận hành hệ thống điện	0901-11	Nguyễn Thị Bích	Hậu	Điện khí hoá	09
541	4090152	01	001	2	30	6/1/2016	2	2	HNAB204	TUCHON5	Vận hành hệ thống điện	0901-11	Nguyễn Thị Bích	Hậu	Điện khí hoá	09
542	4090152	01	002	2	29	6/1/2016	2	2	HNAB205	TUCHON5	Vận hành hệ thống điện	0901-11	Nguyễn Thị Bích	Hậu	Điện khí hoá	09
543	4090209	01	001	3	26	5/31/2016	2	2	HNAB311	DCCDDT57	Điều khiển số	0902-05	Nguyễn Đức	Khoát	Tự động hoá	09
544	4090209	01	002	3	26	5/31/2016	2	2	HNAB310	DCCDDT57	Điều khiển số	0902-05	Nguyễn Đức	Khoát	Tự động hoá	09
545	4090211	02	001	2	36	6/2/2016	2	2	HNAA203	DCCDDT57B	Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	0902-04	Nguyễn Chí	Tĩnh	Tự động hoá	09
546	4090211	02	002	2	35	6/2/2016	2	2	HNAA204	DCCDDT57B	Cơ sở hệ thống điều khiển quá trình	0902-04	Nguyễn Chí	Tĩnh	Tự động hoá	09
547	4090212	02	001	2	38	5/16/2016	4	2	HNAB205	DCCDKLD57B	Mô hình hoá và mô phỏng quá trình	0902-11	Phạm Thị Thanh	Loan	Tự động hoá	09
548	4090213	02	001	2	32	5/27/2016	2	2	HNAB501	DCCDHT58B	Điện tử công suất	0902-08	Khổng Cao	Phong	Tự động hoá	09
549	4090215	01	001	3	28	5/19/2016	2	2	HNAD203	CCCDDT59	Các phần tử tự động + TH	0902-19	Nguyễn Thế	Lực	Tự động hoá	09
550	4090215	03	001	3	31	5/28/2016	4	2	HNAA203	DCCDDT58B	Các phần tử tự động + TH	0902-19	Nguyễn Thế	Lực	Tự động hoá	09
551	4090215	03	002	3	30	5/28/2016	4	2	HNAA204	DCCDDT58B	Các phần tử tự động + TH	0902-19	Nguyễn Thế	Lực	Tự động hoá	09
552	4090215	02	001	3	29	5/30/2016	4	2	HNAA206	DCCDDT58A	Các phần tử tự động + TH	0902-19	Nguyễn Thế	Lực	Tự động hoá	09
553	4090215	02	002	3	29	5/30/2016	4	2	HNAA205	DCCDDT58A	Các phần tử tự động + TH	0902-19	Nguyễn Thế	Lực	Tự động hoá	09
554	4090218	02	001	2	34	5/26/2016	2	2	HNAA207	DCCDDT57B	Thiết kế hệ thống điều khiển tự động	0902-11	Phạm Thị Thanh	Loan	Tự động hoá	09
555	4090218	02	002	2	33	5/26/2016	2	2	HNAA208	DCCDDT57B	Thiết kế hệ thống điều khiển tự động	0902-11	Phạm Thị Thanh	Loan	Tự động hoá	09

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
556	4090219	02	001	2	40	5/20/2016	2	2	HNAA203	DCCDTD57B	Mạng truyền thông công nghiệp	0902-05	Nguyễn Đức	Khoát	Tự động hoá	09
557	4090219	02	002	2	39	5/20/2016	2	2	HNAA204	DCCDTD57B	Mạng truyền thông công nghiệp	0902-05	Nguyễn Đức	Khoát	Tự động hoá	09
558	4090222	02	001	2	38	5/30/2016	2	2	HNAA208	DCCDTD57B	Điều khiển tự động hệ thống truyền	0902-12	Uông Quang	Tuyển	Tự động hoá	09
559	4090222	02	002	2	37	5/30/2016	2	2	HNAA303	DCCDTD57B	Điều khiển tự động hệ thống truyền	0902-12	Uông Quang	Tuyển	Tự động hoá	09
560	4090224	01	001	2	20	5/18/2016	4	2	HNAA307	TUCHON6	Phương pháp lập trình CNC	0902-12	Uông Quang	Tuyển	Tự động hoá	09
561	4090225	01	001	3	36	5/16/2016	2	2	HNAA402	DCCDTD58A	Tin học công nghiệp + TH	0902-12	Uông Quang	Tuyển	Tự động hoá	09
562	4090225	01	002	3	36	5/16/2016	2	2	HNAA403	DCCDTD58A	Tin học công nghiệp + TH	0902-12	Uông Quang	Tuyển	Tự động hoá	09
563	4090225	02	001	3	38	5/16/2016	2	2	HNAA307	DCCDTD58B	Tin học công nghiệp + TH	0902-12	Uông Quang	Tuyển	Tự động hoá	09
564	4090225	02	002	3	37	5/16/2016	2	2	HNAA308	DCCDTD58B	Tin học công nghiệp + TH	0902-12	Uông Quang	Tuyển	Tự động hoá	09
565	4090225	03	001	3	12	6/6/2016	3	2	HNAA208	LOPTHEM	Tin học công nghiệp + TH				Tự động hoá	09
566	4090301	01	001	3	50	5/27/2016	4	2	HNAA207	DCDCTV59A	Kỹ thuật điện +TN	0903-13	Kim Thị Cẩm	ánh	Kỹ thuật điện - Điện	09
567	4090301	02	001	3	41	6/1/2016	2	2	HNAD502	DCDCTV59B	Kỹ thuật điện +TN	0903-13	Kim Thị Cẩm	ánh	Kỹ thuật điện - Điện	09
568	4090302	02	001	3	32	5/19/2016	2	2	HNAA305	DCDKLD59A	Kỹ thuật điện tử +TN	0903-13	Kim Thị Cẩm	ánh	Kỹ thuật điện - Điện	09
569	4090302	02	002	3	31	5/19/2016	2	2	HNAA306	DCDKLD59A	Kỹ thuật điện tử +TN	0903-13	Kim Thị Cẩm	ánh	Kỹ thuật điện - Điện	09
570	4090302	01	001	3	38	5/30/2016	4	2	HNAA405	DCCDMT58	Kỹ thuật điện tử +TN	0903-18	Nguyễn Tiến	Sĩ	Kỹ thuật điện - Điện	09
571	4090302	03	001	3	30	6/2/2016	2	2	HNAA404	DCDKLD59B	Kỹ thuật điện tử +TN	0903-13	Kim Thị Cẩm	ánh	Kỹ thuật điện - Điện	09
572	4090302	03	002	3	29	6/2/2016	2	2	HNAA405	DCDKLD59B	Kỹ thuật điện tử +TN	0903-13	Kim Thị Cẩm	ánh	Kỹ thuật điện - Điện	09
573	4090342	05	001	3	28	5/17/2016	2	2	HNAB401	DCMOTK59B	Kỹ thuật điện - điện tử	0903-14	Bùi Ngọc	Hùng	Kỹ thuật điện - Điện	09
574	4090342	05	002	3	28	5/17/2016	2	2	HNAB404	DCMOTK59B	Kỹ thuật điện - điện tử	0903-14	Bùi Ngọc	Hùng	Kỹ thuật điện - Điện	09
575	4090342	04	001	3	30	5/20/2016	4	2	HNAA206	DCMOTK59A	Kỹ thuật điện - điện tử	0903-14	Bùi Ngọc	Hùng	Kỹ thuật điện - Điện	09
576	4090342	04	002	3	30	5/20/2016	4	2	HNAA205	DCMOTK59A	Kỹ thuật điện - điện tử	0903-14	Bùi Ngọc	Hùng	Kỹ thuật điện - Điện	09
577	4090342	01	001	3	31	6/3/2016	2	2	HNAA406	DCDKKK59A	Kỹ thuật điện - điện tử	0903-17	Tổng Ngọc	Anh	Kỹ thuật điện - Điện	09
578	4090342	01	002	3	30	6/3/2016	2	2	HNAA407	DCDKKK59A	Kỹ thuật điện - điện tử	0903-17	Tổng Ngọc	Anh	Kỹ thuật điện - Điện	09
579	4090342	02	001	3	30	6/4/2016	4	2	HNAA306	DCDKKK59B	Kỹ thuật điện - điện tử	0903-17	Tổng Ngọc	Anh	Kỹ thuật điện - Điện	09
580	4090342	02	002	3	30	6/4/2016	4	2	HNAA305	DCDKKK59B	Kỹ thuật điện - điện tử	0903-17	Tổng Ngọc	Anh	Kỹ thuật điện - Điện	09
581	4090402	01	001	3	30	5/19/2016	4	2	HNAA304	DCDKKK58A	Vật liệu kỹ thuật + TN	0904-14	Nguyễn Thanh	Tùng	Kỹ thuật cơ khí	09
582	4090402	01	002	3	30	5/19/2016	4	2	HNAA303	DCDKKK58A	Vật liệu kỹ thuật + TN	0904-14	Nguyễn Thanh	Tùng	Kỹ thuật cơ khí	09
583	4090402	05	001	3	30	5/23/2016	2	2	HNAB502	DCDKLD59B	Vật liệu kỹ thuật + TN	0904-14	Nguyễn Thanh	Tùng	Kỹ thuật cơ khí	09
584	4090402	05	002	3	30	5/23/2016	2	2	HNAB501	DCDKLD59B	Vật liệu kỹ thuật + TN	0904-14	Nguyễn Thanh	Tùng	Kỹ thuật cơ khí	09
585	4090402	04	001	3	28	6/1/2016	2	2	HNAB305	DCDKLD59A	Vật liệu kỹ thuật + TN	0904-05	Phạm Thị	Thủy	Kỹ thuật cơ khí	09
586	4090402	04	002	3	28	6/1/2016	2	2	HNAB303	DCDKLD59A	Vật liệu kỹ thuật + TN	0904-05	Phạm Thị	Thủy	Kỹ thuật cơ khí	09
587	4090402	02	001	3	37	6/4/2016	4	2	HNAB204	DCDKKK58B	Vật liệu kỹ thuật + TN	0904-14	Nguyễn Thanh	Tùng	Kỹ thuật cơ khí	09
588	4090406	05	001	3	41	5/17/2016	7	2	HNAA207	DCDKTB58	Cơ sở thiết kế máy	0904-30	Phạm	Tuấn	Kỹ thuật cơ khí	09
589	4090406	02	001	3	40	5/30/2016	4	2	HNAA404	DCDKKK58B	Cơ sở thiết kế máy	0904-14	Nguyễn Thanh	Tùng	Kỹ thuật cơ khí	09
590	4090406	04	001	3	31	5/31/2016	4	2	HNAA403	DCDKKT58	Cơ sở thiết kế máy	0904-14	Nguyễn Thanh	Tùng	Kỹ thuật cơ khí	09
591	4090406	01	001	3	31	6/3/2016	2	2	HNAA402	DCDKKK58A	Cơ sở thiết kế máy	0904-14	Nguyễn Thanh	Tùng	Kỹ thuật cơ khí	09
592	4090406	01	002	3	31	6/3/2016	2	2	HNAA403	DCDKKK58A	Cơ sở thiết kế máy	0904-14	Nguyễn Thanh	Tùng	Kỹ thuật cơ khí	09
593	4090415	03	001	2	30	5/25/2016	2	2	HNAA408	DCCDTD57A	Kỹ thuật nhiệt B	0904-05	Phạm Thị	Thủy	Kỹ thuật cơ khí	09
594	4090415	03	002	2	30	5/25/2016	2	2	HNAA407	DCCDTD57A	Kỹ thuật nhiệt B	0904-05	Phạm Thị	Thủy	Kỹ thuật cơ khí	09
595	4090415	04	001	2	34	6/4/2016	2	2	HNAA304	DCCDTD57B	Kỹ thuật nhiệt B	0904-07	Phạm Đức	Thiên	Kỹ thuật cơ khí	09
596	4090415	04	002	2	33	6/4/2016	2	2	HNAA305	DCCDTD57B	Kỹ thuật nhiệt B	0904-07	Phạm Đức	Thiên	Kỹ thuật cơ khí	09
597	4090418	05	001	2	29	5/23/2016	4	2	HNAA303	DCDKTB58	Kỹ thuật thủy khí C	0904-31	Lê Kinh	Thanh	Kỹ thuật cơ khí	09
598	4090418	05	002	2	28	5/23/2016	4	2	HNAA304	DCDKTB58	Kỹ thuật thủy khí C	0904-31	Lê Kinh	Thanh	Kỹ thuật cơ khí	09

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
599	4090418	06	001	2	48	5/24/2016	4	2	HNAA208	TUCHON5	Kỹ thuật thủy khí C	0904-03	Nguyễn Văn	Lại	Kỹ thuật cơ khí	09
600	4090418	03	001	2	31	5/26/2016	2	2	HNAA408	DCDKKK59B	Kỹ thuật thủy khí C	0904-16	Nguyễn Phúc	Trưởng	Kỹ thuật cơ khí	09
601	4090418	03	002	2	30	5/26/2016	2	2	HNAA409	DCDKKK59B	Kỹ thuật thủy khí C	0904-16	Nguyễn Phúc	Trưởng	Kỹ thuật cơ khí	09
602	4090501	01	001	4	49	5/26/2016	4	2	HNAB204	DCCDMT57	Máy thủy khí + ĐA	0905-01	Vũ Nam	Ngạn	Máy và thiết bị mô	09
603	4090514	01	001	2	45	5/21/2016	2	2	HNAD201	DCDKTB57	Truyền động thủy khí	0905-07	Trần Ngọc	Minh	Máy và thiết bị mô	09
604	4090541	01	001	3	26	6/4/2016	4	2	HNAA406	DCDKTB58	Máy thủy lực và máy nén khí	0905-07	Trần Ngọc	Minh	Máy và thiết bị mô	09
605	4090541	01	002	3	25	6/4/2016	4	2	HNAA407	DCDKTB58	Máy thủy lực và máy nén khí	0905-07	Trần Ngọc	Minh	Máy và thiết bị mô	09
606	4030356	01	001	3	44	5/26/2016	11	2	HNAD101	DCMOTK59A	Cơ học đá	0303-05	Ngô Doãn	Hào	Xây dựng công trìn	10
607	4030356	02	001	3	28	5/26/2016	11	2	HNAD101	DCMOTK59B	Cơ học đá	0303-09	Đặng Trung	Thành	Xây dựng công trìn	10
608	4030356	02	002	3	27	5/26/2016	11	2	HNAD101	DCMOTK59B	Cơ học đá	0303-09	Đặng Trung	Thành	Xây dựng công trìn	10
609	4100158	01	001	3	29	5/26/2016	11	2	HNAD101	DCMOKT59A	Cơ học đá	0303-12	Đào Viết	Đoàn	Xây dựng công trìn	10
610	4100158	01	002	3	29	5/26/2016	11	2	HNAD201	DCMOKT59A	Cơ học đá	0303-12	Đào Viết	Đoàn	Xây dựng công trìn	10
611	4100158	02	001	3	41	5/26/2016	11	2	HNAD201	DCMOKT59B	Cơ học đá	0303-06	Nguyễn Phúc	Nhân	Xây dựng công trìn	10
612	4100158	03	001	3	34	5/26/2016	11	2	HNAD201	DCMOKT59C	Cơ học đá	0303-11	Trần Tuấn	Minh	Xây dựng công trìn	10
613	4100158	04	001	3	36	5/26/2016	11	2	HNAD301	DCMOKT59D	Cơ học đá	0303-06	Nguyễn Phúc	Nhân	Xây dựng công trìn	10
614	4100158	05	001	3	29	5/26/2016	11	2	HNAD301	DCMOKT59G	Cơ học đá	0303-12	Đào Viết	Đoàn	Xây dựng công trìn	10
615	4100158	05	002	3	29	5/26/2016	11	2	HNAD301	DCMOKT59G	Cơ học đá	0303-12	Đào Viết	Đoàn	Xây dựng công trìn	10
616	4100201	04	001	2	41	5/18/2016	2	2	HNAD402	DCXDNM59	Vật liệu xây dựng	0303-35	Nguyễn Xuân	Mẫn	Kỹ thuật xây dựng	10
617	4100201	03	001	2	48	6/4/2016	4	2	HNAA409	DCXDHT59	Vật liệu xây dựng	0303-35	Nguyễn Xuân	Mẫn	Kỹ thuật xây dựng	10
618	4100204	02	001	3	26	5/30/2016	2	2	HNAD303	DCXDXN58A	Kết cấu bê tông cốt thép	0303-08	Nguyễn Văn	Mạnh	Kỹ thuật xây dựng	10
619	4100204	02	002	3	25	5/30/2016	2	2	HNAD402	DCXDXN58A	Kết cấu bê tông cốt thép	0303-08	Nguyễn Văn	Mạnh	Kỹ thuật xây dựng	10
620	4100204	03	001	3	45	6/3/2016	2	2	HNAD503	DCXDXN58B	Kết cấu bê tông cốt thép	0303-08	Nguyễn Văn	Mạnh	Kỹ thuật xây dựng	10
621	4100206	03	001	2	28	5/31/2016	2	2	HNAB207	DCXDXN58B	Kết cấu thép	0303-18	Lê Tuấn	Anh	Kỹ thuật xây dựng	10
622	4100206	03	002	2	28	5/31/2016	2	2	HNAB206	DCXDXN58B	Kết cấu thép	0303-18	Lê Tuấn	Anh	Kỹ thuật xây dựng	10
623	4110104	02	001	2	36	5/23/2016	2	2	HNAA304	DCMTKT59B	Quá trình truyền nhiệt trong công n	0408-09	Đỗ Cao	Cường	Môi trường cơ sở	11
624	4110104	02	002	2	35	5/23/2016	2	2	HNAA305	DCMTKT59B	Quá trình truyền nhiệt trong công n	0408-09	Đỗ Cao	Cường	Môi trường cơ sở	11
625	4110104	01	001	2	40	5/24/2016	2	2	HNAA304	DCMTKT59A	Quá trình truyền nhiệt trong công n	0408-09	Đỗ Cao	Cường	Môi trường cơ sở	11
626	4110104	01	002	2	40	5/24/2016	2	2	HNAA303	DCMTKT59A	Quá trình truyền nhiệt trong công n	0408-09	Đỗ Cao	Cường	Môi trường cơ sở	11
627	4110106	01	001	3	31	5/16/2016	4	2	HNAB501	DCMTDS59A	Sinh thái học môi trường	0408-03	Trần Thị Kim	Hà	Môi trường cơ sở	11
628	4110106	02	001	3	26	5/30/2016	4	2	HNAB204	DCMTDS59B	Sinh thái học môi trường	0408-03	Trần Thị Kim	Hà	Môi trường cơ sở	11
629	4110114	03	001	2	36	5/16/2016	2	2	HNAA404	TUCHON4	Môi trường và phát triển bền vững	0402-01	Nguyễn	Phương	Môi trường cơ sở	11
630	4110114	03	002	2	35	5/16/2016	2	2	HNAA405	TUCHON4	Môi trường và phát triển bền vững	0402-01	Nguyễn	Phương	Môi trường cơ sở	11
631	4110114	02	001	2	38	5/19/2016	2	2	HNAA204	TUCHON4	Môi trường và phát triển bền vững	0402-12	Nguyễn Thị	Cúc	Môi trường cơ sở	11
632	4110114	02	002	2	38	5/19/2016	2	2	HNAA203	TUCHON4	Môi trường và phát triển bền vững	0402-12	Nguyễn Thị	Cúc	Môi trường cơ sở	11
633	4110114	01	001	2	34	6/1/2016	2	2	HNAA303	TUCHON5	Môi trường và phát triển bền vững	1101-03	Nguyễn Quốc	Phi	Môi trường cơ sở	11
634	4110114	01	002	2	33	6/1/2016	2	2	HNAA304	TUCHON5	Môi trường và phát triển bền vững	1101-03	Nguyễn Quốc	Phi	Môi trường cơ sở	11
635	4110236	01	001	2	79	5/19/2016	2	2	HNAD101	TUCHON4	Môi trường và con người	0408-03	Trần Thị Kim	Hà	Địa sinh thái và CN	11
636	4110236	01	002	2	77	5/19/2016	2	2	HNAD201	TUCHON4	Môi trường và con người	0408-03	Trần Thị Kim	Hà	Địa sinh thái và CN	11
637	4110236	02	001	2	76	5/19/2016	2	2	HNAD301	TUCHON3	Môi trường và con người	0408-13	Đỗ Văn	Bình	Địa sinh thái và CN	11
638	4110236	02	002	2	75	5/19/2016	2	2	HNAD401	TUCHON3	Môi trường và con người	0408-13	Đỗ Văn	Bình	Địa sinh thái và CN	11
639	4110236	03	001	2	32	5/27/2016	2	2	HNAA204	LCDCDC60	Môi trường và con người	0408-17	Trần Hồng	Hà	Địa sinh thái và CN	11
640	4110236	03	002	2	32	5/27/2016	2	2	HNAA203	LCDCDC60	Môi trường và con người	0408-17	Trần Hồng	Hà	Địa sinh thái và CN	11
641	4110236	04	001	2	55	6/11/2016	3	2	HNAA207	LCDCDC60	Môi trường và con người	0408-03	Trần Thị Kim	Hà	Địa sinh thái và CN	11

TT	Mã HP	Nhóm	Tổ	Số TC	Số SV	Ngày thi	Tiết BD	Số tiết	Phòng	Mã lớp	Tên HP	Mã GV	Họ và T.đệm	Tên GV	Bộ môn	Mã Khoa
642	4110301	03	001	2	30	5/21/2016	2	2	HNAB202	DCMTKT58B	Quản lý chất thải rắn	1103-04	Đặng Thị Ngọc	Thủy	Kỹ thuật môi trường	11
643	4110301	03	002	2	30	5/21/2016	2	2	HNAB201	DCMTKT58B	Quản lý chất thải rắn	1103-04	Đặng Thị Ngọc	Thủy	Kỹ thuật môi trường	11

Lưu ý:

- Tổ chức thi kết thúc học phần theo **Quy trình khảo thí được ban hành kèm theo QĐ số 457/QĐ-MĐC ngày 21/4/2016 và theo Quy chế đào tạo**;
- Tính chất đề thi cần ghi rõ: Không = Không sử dụng tài liệu; Được = Được tham khảo tài liệu trên giấy (học phần Nguyên lý kế toán - Được sử dụng Bảng hệ thống kế toán; Cơ sở tuyển khoáng - Được dùng máy tính FX500 không thẻ nhớ)
- Cán bộ coi thi (CBCT) nhận đề thi, giấy thi, giấy nháp ở Phòng ĐTDH 20phút trước giờ thi;
- CBCT và sinh viên có mặt tại phòng thi ít nhất 15phút trước giờ thi;
- CBCT đánh SBD, kiểm tra thẻ sinh viên/CMND và gọi SV vào phòng thi; hướng dẫn SV ghi thông tin cá nhân và mã đề thi vào tờ giấy thi;
- Không được sử dụng điện thoại trong phòng thi;
- Hết giờ làm bài, CBCT thu bài thi, xếp bài theo thứ tự SBD và nộp cho Tổ ĐBCL;
- Chấm thi tập trung tại địa điểm nhà Trường bố trí sau 01 ngày từ khi tổ chức thi; Bộ môn liên hệ với Tổ ĐBCL nếu muốn thay đổi lịch chấm;
- Không sử dụng điện thoại, không kết nối wifi trong phòng chấm thi;
- Bàn giao điểm thi cho Tổ khảo thí (biên bản, file điểm) ngay sau khi chấm bài xong./.

Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2016

TL. Hiệu trưởng

KT. Trưởng phòng Đào tạo Đại học

(đã ký)

TS. Phạm Văn Tuấn